

Luận văn

**Hoàn thiện hạch toán kế toán lưu
chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công
ty TNHH EDD**

Lời Mở Đầu

Trong nền kinh tế thị trường phát triển, hội nhập để được tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế khu vực, thế giới là điều kiện cơ bản để mỗi quốc gia thực hiện mục tiêu cạnh tranh thắng lợi và tăng trưởng ổn định. Các doanh nghiệp ngoại thương và hoạt động xuất nhập khẩu được tổ chức tốt đóng vai trò quan trọng trong chiến lược hội nhập nền kinh tế thế giới của mỗi quốc gia độc lập.

Lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu trong hoạt động ngoại thương giúp mỗi nước có thể thoả mãn nhu cầu sản xuất - kinh doanh, tiêu dùng trong nước và tạo yếu tố kích thích, cạnh tranh cho sản xuất nội địa. Từ đó quản lý hoạt động nhập khẩu hàng hoá để vừa bảo hộ sản phẩm hàng hoá nội địa, vừa kích thích sản xuất, tiêu dùng phát triển có ý nghĩa quan trọng và cần phải dựa trên cơ sở tổ chức khoa học đồng bộ hệ thống công cụ quản lý, trong đó có kế toán doanh nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu quản lý.

Công ty TNHH EDD là công ty kinh doanh trong lĩnh vực ngoại thương. Tại công ty TNHH EDD hoạt động kinh doanh là nhập khẩu hàng hoá gia dụng và chất cách điện để tiêu thụ trong nước chiếm vị trí trọng yếu và được coi là thế mạnh của công ty. Sau nhiều năm tồn tại và phát triển Công ty TNHH EDD cũng đã dần ổn định và đã tạo cho mình một chỗ đứng vững chắc, có uy tín trên thị trường nhập khẩu và tiêu thụ hàng nhập khẩu.

Quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu nói chung và lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng có hiệu lực không thể không tổ chức tốt và đồng bộ các công cụ quản lý trong đó có kế toán nói chung, kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng.

Ngày 20/03/2006 chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành theo QĐ 48/2006 thay thế chế độ kế toán theo QĐ 144/2001 đã đặt ra yêu cầu phải cấp thiết hoàn thiện hệ thống kế toán trong mỗi doanh nghiệp đặc thù.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp, qua khảo sát thực tế công tác kế toán nói chung, kế toán lưu chuyển hàng nhập khẩu nói riêng tại công ty TNHH EDD, Em

đã chọn nghiên cứu đề tài: " Hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD" cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phần bổ cụ khác luận văn gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Chương II: Thực trạng hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Chương III: Hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bản luận văn tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những hạn chế. Em rất mong được sự chỉ bảo của cô giáo hướng dẫn, phòng kế toán công ty TNHH EDD.

Em xin chân thành cảm ơn !

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu và vai trò của hạch toán kế toán

1.1.1. Lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu

Lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu không kể nhập khẩu tại chỗ là hoạt động mua hàng hóa của nước ngoài trả bằng ngoại tệ để sử dụng và bán tại thị trường trong nước hoặc tái xuất khẩu. Từ đó hàng nhập khẩu có thể là các loại hàng hoá được cấp phép nhập khẩu để tiếp tục lưu thông trong thị trường nội địa, cũng có thể là các tư liệu sản xuất nhập khẩu để phục vụ kinh doanh của đơn vị hoặc chỉ là hàng nhập tạm để tái xuất trong và ngoài nghị định thư. Hàng nhập quá cảng và tham gia hội chợ quốc tế tổ chức tại nước ta cũng được coi là đối tượng của hoạt động lưu chuyển hàng nhập khẩu. Quản lý lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu do vậy cần phải phân loại luồng hàng theo mục đích, tính chất nhập khẩu để có chính sách thích hợp.

Lưu chuyển hàng nhập khẩu cần đạt được mục tiêu phát triển sản xuất - kinh doanh trong nước, tạo đối tượng trong cạnh tranh cho hàng nội địa thuộc ngành sản xuất cần sự bảo hộ của nhà nước qua chính sách nhập khẩu ban bố. Trong mỗi doanh nghiệp xuất nhập khẩu hoạt động nhập khẩu vẫn được đảm bảo thông qua hoạt động xuất khẩu và chính quá trình tiêu thụ, tiêu dùng hàng nhập khẩu theo mục đích. Phương thức nhập khẩu, bán hàng nhập khẩu cũng như phương thức thanh toán giá trị giao dịch tùy thuộc sự lựa chọn các bên liên quan và sự thoả thuận trong mỗi thương vụ.

1.1.2. Phương thức lưu chuyển và thanh toán hàng hóa nhập khẩu mua và bán.

**Phương thức nhập khẩu hàng hóa.*

Nhập khẩu hàng hóa thường được thực hiện theo hai phương thức:

Phương thức nhập khẩu trực tiếp: là phương thức nhập khẩu mà trong đó các đơn vị kinh doanh nhập khẩu được Nhà nước cấp giấy phép hoạt động nhập khẩu, trực tiếp giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá với nước ngoài. Chính vì vậy, không phải doanh nghiệp nào cũng được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp mà chỉ có một số đơn vị hội tụ đủ mọi điều kiện theo quy định của Nhà nước về kinh doanh xuất nhập khẩu mới được quyền nhập khẩu trực tiếp.

Phương thức nhập khẩu ủy thác: là phương thức nhập khẩu được áp dụng đối với các doanh nghiệp được nhà nước cấp giấy phép nhập khẩu nhưng chưa có đủ điều kiện để trực tiếp đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng với nước ngoài hoặc là chưa thể trực tiếp lưu thông hàng hóa giữa trong nước và nước ngoài nên phải ủy thác cho đơn vị có chức năng nhập khẩu để nhập hộ hàng hóa cho mình. Theo hình thức này, đơn vị giao ủy thác là đơn vị được tính doanh số lưu chuyển hàng nhập khẩu và khai thác lợi ích từ bán hàng nhập khẩu theo mục đích, đơn vị nhận ủy thác chỉ là đơn vị cung cấp dịch vụ nhập khẩu và do đó chỉ được hưởng hoa hồng trên giá trị hợp đồng theo tỷ lệ thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác nhập khẩu.

*** Điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms):**

Trong điều kiện thương mại quốc tế, điều căn bản là phải xác định rõ trách nhiệm của người bán kết thúc ở đâu? và trách nhiệm người mua bắt đầu từ đâu?

Căn cứ chính làm cơ sở phân đoạn trách nhiệm giữa người bán và người mua là: ai là người chịu trách nhiệm trả cước phí vận chuyển và mua bảo hiểm hàng hóa? người mua hay người bán?

Trên phương diện điều kiện giao dịch này thì giá nhập khẩu hàng hóa thường được tính chủ yếu theo giá CIF(hoặc CF) hoặc giá FOB. Cả hai giá trên chỉ áp dụng với vận tải biển.

- *Giá CIF (hoặc CF):*

Người bán phải trả cước phí vận tải chính, địa điểm chuyển rủi ro về hàng hóa tại nước bốc hàng. Người bán phải chịu rủi ro về hàng hóa cho tới cảng đích, tức phải thu xếp và trả phí bảo hiểm vận chuyển hàng hóa.

Người mua không chịu rủi ro hàng hóa cho tới cảng đích, nghĩa là không phải mua bảo hiểm hàng hóa.

Ví dụ tại Việt Nam: Khi nhập khẩu theo giá CIF nếu chọn cửa khẩu nhập hàng điểm dừng để tính giá CIF là tại cảng Hải Phòng thì người xuất khẩu phải chịu chi phí vận chuyển, chi phí bảo hiểm hàng hóa và mọi rủi ro về hàng hóa đến lúc hàng hóa đến cảng Hải Phòng.

- Giá FOB:

Người bán không chịu cước phí vận tải chính. Người bán giao hàng lên phương tiện vận chuyển hàng hoá tại cảng quy định tại nước người bán, làm thủ tục và trả mọi chi phí liên quan đến thông quan, giấy phép xuất khẩu. Chuyển giao hóa đơn thương mại, chứng từ là bằng chứng giao hàng và các chứng từ khác có liên quan.

Người mua thu xếp và trả cước phí cho việc chuyên chở hàng hóa bằng phương tiện lựa chọn. Mua bảo hiểm cho hàng hóa. Chịu rủi ro về hàng hóa thuộc sở hữu của người nhập khẩu (người mua).

Theo phương diện điều kiện giao dịch thì giá CIF bao giờ cũng cao hơn giá FOB

***Phương thức bán hàng nhập khẩu:**

Hoạt động bán hàng nhập khẩu cũng giống như các hoạt động bán hàng khác và thường được thực hiện theo hai phương thức:

- *Bán buôn:* là bán hàng hóa cho các tổ chức bán lẻ, tổ chức kinh doanh sản xuất, dịch vụ hoặc các đơn vị xuất khẩu để tiếp tục quá trình lưu chuyển của hàng.

Bán buôn được thực hiện theo hai phương thức bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ Bán buôn qua kho (bán trực tiếp và gửi bán hàng hóa) là phương thức bán hàng truyền thống thường áp dụng với ngành hàng có đặc điểm: tiêu thụ có định kỳ giao nhận, thời điểm giao nhận không trùng với thời điểm nhận hàng, hàng khó khai thác, hàng cần qua dự trữ để xử lý tăng giá trị thương mại...

+ Bán buôn vận chuyển thẳng(bán buôn vận chuyển thẳng có tham gia thanh toán và không tham gia thanh toán).

Trường hợp bán hàng có tham gia thanh toán thì doanh nghiệp phải tổ chức quá trình mua hàng, bán hàng, thanh toán tiền hàng mua, tiền hàng đã bán với nhà cung cấp và khách hàng của doanh nghiệp.

Bán buôn vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán thực chất là hình thức môi giới trung gian trong quan hệ mua bán, doanh nghiệp chỉ được phản ánh tiền hoa hồng môi giới cho việc mua hoặc bán, không được ghi nhận nghiệp vụ mua cũng như nghiệp vụ bán của mỗi thương vụ.

- *Bán lẻ*: là bán hàng cho người tiêu dùng cuối cùng.

Bán lẻ tại các cửa hàng, quầy hàng, điểm bán của doanh nghiệp bán lẻ được thực hiện dưới hai hình thức:

Bán lẻ thu tiền tại chỗ: người bán hàng phải đồng thời thực hiện chức năng nhiệm vụ thu tiền của nhân viên thu ngân.

Bán lẻ thu tiền tập trung: Tại điểm bán hàng thì nhân viên bán hàng và nhân viên thu ngân thực hiện độc lập chức năng bán hàng và chức năng thu tiền.

***Phương tiện thanh toán:**

Phương tiện thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa: Phương tiện để thanh toán chủ yếu cho các đơn vị nhập khẩu là ngoại tệ và phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Phương thức thanh toán quốc tế: là toàn bộ quá trình, điều kiện quy định để người mua trả tiền và nhận hàng, còn người bán nhận tiền và giao hàng trong thương mại quốc tế.

Các phương thức thanh toán

- Phương thức ứng trước
- Phương thức ghi sổ
- Phương thức nhờ thu
- Phương thức tín dụng chứng từ.

Các hình thức chuyển tiền:

- Chuyển tiền bằng thư – Mail Transfer (M/T)
- Chuyển tiền bằng điện – Telegraphic Transfer (T/T)

Hình thức chuyển tiền bằng điện nhanh, nên có lợi cho nhà xuất khẩu nhưng chi phí lại cao; còn hình thức chuyển tiền bằng thư thì chậm nhưng chi phí lại thấp.

Tại luận văn tốt nghiệp này em xin đề cập hai phương thức thanh toán

Phương thức ứng trước: người mua chấp nhận giá hàng của người bán và chuyển tiền thanh toán cùng với đơn đặt hàng chắc chắn(không hủy ngang), nghĩa là việc thanh toán xảy ra trước khi hàng hóa được người bán gửi đi.

+ Ưu điểm đối với nhà nhập khẩu:

Khả năng chắc chắn nhận được hàng hóa ngay cả khi nhà xuất khẩu vì một lý do nào đó không muốn giao hàng.

Do thanh toán trước nên nhà nhập khẩu có thể thương lượng với nhà xuất khẩu giảm giá tiền hàng.

Do thanh toán trước nên chi phí nhập hàng tính bằng nội tệ là số cố định tránh rủi ro tỷ giá.

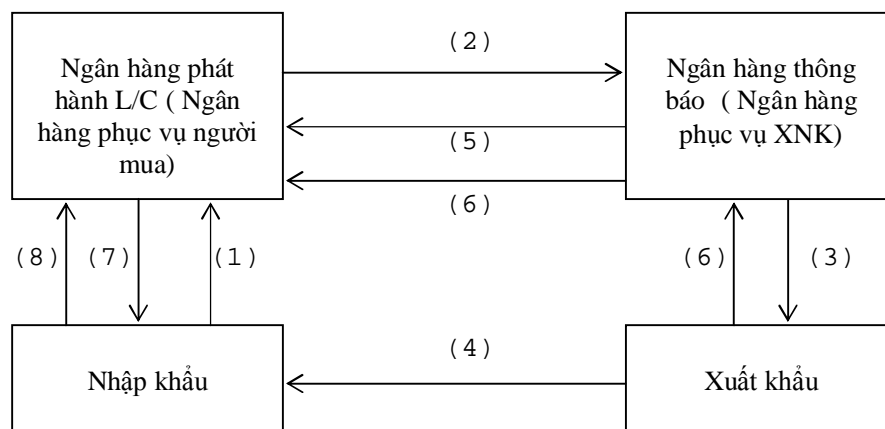
+ Rủi ro đối với nhà nhập khẩu

Luật quốc gia: Nhà nhập khẩu phải chắc chắn thanh toán cho người bán(ở nước ngoài) trước khi nhận hàng hóa nhập khẩu vào trong nước. Khi đó có thể có rủi ro do nhà xuất khẩu vi phạm hợp đồng ngoại thương như: chủ tâm không giao hàng, giao hàng thiếu, không có khả năng giao hàng như thỏa thuận hoặc thậm chí bị phá sản.

Hàng hóa có được bảo hiểm đầy đủ trong quá trình vận chuyển? Người hưởng lợi bảo hiểm phải là người nhập khẩu ngay cả trong trường hợp nhà xuất khẩu mua bảo hiểm hàng hóa.

Do phải thanh toán trước nên nhà nhập khẩu có thể phải chịu những áp lực về tài chính. Tình hình có thể trở nên xấu hơn nếu hàng hóa đến chậm hoặc bị khiếm khuyết, điều này làm chậm tốc độ bán hàng hoá, sử dụng hàng nhập khẩu của nhà nhập khẩu bán hàng để thu hồi tiền và làm cho lợi nhuận có thể giảm.

Phương thức tín dụng chứng từ: là một sự thoả thuận bằng văn bản trong đó ngân hàng (được gọi là ngân hàng phát hành) theo yêu cầu của một khách hàng (được gọi là người yêu cầu) hoặc nhân danh chính mình cam kết trả một số tiền nhất định cho một người thứ ba (được gọi là người hưởng lợi) hoặc chấp nhận các hối phiếu do người này ký phát hoặc uỷ quyền cho một ngân hàng khác tiến hành việc thanh toán, chấp nhận hoặc chiết khấu các hối phiếu đó khi các chứng từ quy định được xuất trình phù hợp với các điều kiện đặt ra trong thư tín dụng. Trình tự nghiệp vụ tín dụng chứng từ được thể hiện trong sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1: Trình tự nghiệp vụ tín dụng chứng từ

Trong đó:

(1): Người nhập khẩu viết giấy yêu cầu mở L/C (Application for Letter of Credit) gửi tới ngân hàng của mình.

(2): Căn cứ vào giấy yêu cầu mở L/C của người nhập khẩu, ngân hàng sẽ phát hành L/C và thông báo L/C đến ngân hàng thông báo nằm ở nước xuất khẩu.

(3): Ngân hàng người bán nhận được L/C thì thông báo nội dung thư tín dụng cho nhà xuất khẩu.

(4): Người xuất khẩu sau khi nhận được L/C nếu chấp nhận thì tiến hành giao hàng. Nếu không chấp nhận L/C thì yêu cầu người nhập khẩu và ngân hàng phát hành sửa đổi bổ sung sau đó mới giao hàng.

(5): Người xuất khẩu sau khi giao hàng xong lập một bộ chứng từ thanh toán theo yêu cầu thư tín dụng và xuất trình cho ngân hàng thông báo để chuyển tới ngân hàng mở L/C để đòi tiền.

(6): Ngân hàng phát hành (ngân hàng được chỉ định thanh toán) sau khi nhận được chứng từ phải kiểm tra chứng từ. Nếu thấy phù hợp với thư tín dụng thì trả tiền cho người xuất khẩu hoặc chấp nhận hối phiếu. Nếu thấy không phù hợp có quyền từ chối thanh toán.

(7): Ngân hàng mở thư tín dụng sau khi trả tiền cho người xuất khẩu sẽ truy đòi tiền người nhập khẩu và chuyển bộ chứng từ hàng hoá cho người nhập khẩu.

(8): Người nhập khẩu nhận được chứng từ thì kiểm tra chứng từ, nếu thấy hoàn toàn phù hợp với L/C thì trả tiền cho ngân hàng phát hành. Nếu thấy không phù hợp thì từ chối thanh toán, trách nhiệm thuộc về ngân hàng phát hành.

Trong giao dịch trên thị trường quốc tế, phổ biến hơn cả là phương thức nhờ thu và phương thức tín dụng chứng từ. Song phương thức thanh toán tín dụng chứng từ có nhiều ưu điểm hơn so với phương thức nhờ thu. Đối với người bán, phương thức tín dụng chứng từ đảm bảo chắc chắn thu được tiền. Và đối với người mua, phương thức này đảm bảo rằng việc trả tiền cho người bán chỉ được thực hiện một khi người bán đã xuất trình đầy đủ bộ chứng từ hợp lệ và ngân hàng đã kiểm tra bộ chứng từ đó. Với ưu điểm đó, tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán chủ yếu được áp dụng trong thanh toán thương mại quốc tế và ở Việt Nam.

1.1.3. Vai trò của hạch toán kế toán lưu chuyển trong quản lý kinh doanh hàng hoá nhập khẩu.

Nhập khẩu giữ vai trò mua hàng hoá, dịch vụ, tư liệu sản xuất để thực hiện cân đối cơ cấu kinh tế, kích thích sản xuất trong nước. Đối tượng kinh doanh của hàng nhập khẩu là hàng nhập khẩu từ nước ngoài là chủ yếu để đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc tái xuất. Đối tượng hàng nhập khẩu không chỉ đơn thuần là những mặt hàng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp dân cư mà còn chủ yếu là các trang thiết bị, máy móc, vật tư kỹ thuật, công nghệ hiện đại phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân nước ta thuộc các ngành trên mọi lĩnh vực. Hàng

nhập khẩu được phản ánh bằng ngoại tệ, vì vậy mức độ thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh không chỉ lệ thuộc vào kết quả hoạt động ngoại thương, mà còn bị chi phối bởi tỉ giá hối đoái thay đổi và phương pháp kế toán ngoại tệ. Để đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý. Do vậy, hạch toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu với chức năng cung cấp thông tin về mua, bán hàng nhập khẩu giữ vai trò quan trọng trong quản lý hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả mong muốn.

Hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu có nhiệm vụ

- Phản ánh, giám đốc các nghiệp vụ nhập khẩu hàng hoá và định giá cho hàng nhập khẩu.
- Phản ánh chi tiết, tổng hợp các khoản chi phí phát sinh trong kinh doanh.
- Thanh toán kịp thời công nợ trong mỗi thương vụ nhập khẩu để đảm bảo cân cân ngoại thương.
- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc kế toán các chỉ tiêu kinh doanh có gốc ngoại tệ, để cung cấp thông tin chính xác cho quản lý hoạt động nhập khẩu.
- Kết hợp hoạt động nhập khẩu với các hoạt động tài chính khác để đa dạng thu nhập và khai thác tối đa các nguồn lực.

Qua chức năng hạch toán kế toán để kiểm soát hoạt động kinh doanh trong đó giai đoạn nhập khẩu hàng hoá nói riêng và hoạt động lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói chung.

1.2. Hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu

1.2.1. Hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá trực tiếp.

Nhập khẩu trực tiếp có thể được tiến hành theo Nghị định thư (Hiệp định) theo hiệp định ký kết giữa hai nhà nước, hoặc có thể nhập khẩu trực tiếp ngoài nghị định thư (Hiệp định) theo hợp đồng thương mại ký kết giữa hai hay nhiều tổ chức buôn bán cụ thể thuộc nước nhập hàng và nước xuất hàng.

Doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp ghi doanh số nhập khẩu và doanh số bán hàng nhập khẩu; các chi phí, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng nhập khẩu được tính vào trị giá vốn hàng nhập khẩu. Thuế GTGT phải nộp cho hàng nhập khẩu được

+ Nếu đơn vị nhập khẩu phải vay ngân hàng mở L/C, thì phải tiến hành ký quỹ một tỷ lệ nhất định theo trị giá tiền mở L/C. Số tiền ký quỹ được theo dõi trên tài khoản 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược, ngắn hạn. Khi ký quỹ số tiền theo quy định, kế toán ghi:

Nợ TK 144 - Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngân hàng (tỷ giá thực tế giao dịch).

Có TK 111,112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (TGNH) – (tỷ giá xuất ngoại tệ)

Có TK 515 – Lãi về tỷ giá (hoặc Nợ TK 635 - Lỗ tỷ giá)

Khi ngân hàng báo Có số tiền vay mở L/C, kế toán ghi:

Nợ TK 1122 - Tiền gửi ngoại tệ (tỷ giá thực tế nhập ngoại tệ)

Có TK 311 – Vay ngắn hạn (tỷ giá thực tế giao dịch)

Người xuất khẩu sau khi nhận thông báo thư tín dụng (L/C) đã mở, thì tiến hành xuất giao hàng cho khách hàng xuống phương tiện chuyên chở tại cửa khẩu quy định trong hợp đồng ngoại thương.

- Các nghiệp vụ nhập khẩu và thanh toán:

Trường hợp 1: Trả trước theo L/C

Theo thể thức thanh toán trả trước, căn cứ vào sự chấp thuận hợp đồng hoặc đơn đặt hàng của người xuất khẩu, người nhập khẩu sẽ trả trước tiền hàng toàn bộ hay một phần. Thời gian trả trước dài hay ngắn là tùy thuộc mục đích trả trước. Nếu trả trước là hành vi cấp tín dụng ngắn hạn cho người bán, thì thời gian trả trước thường dài ngày. Nếu trả trước là một điều khoản ràng buộc trách nhiệm hợp đồng nhập khẩu của người nhập khẩu thì thời gian trả trước thường ngắn hơn:

+ Khi trả trước tiền hàng nhập khẩu, kế toán ghi:

Nợ TK331 - Tỷ giá thực tế tại thời điểm thanh toán

Có TK112 - Tỷ giá xuất ngoại tệ

Có TK 515 – Lãi về tỷ giá ngoại tệ (hoặc Nợ TK 635 - Lỗ tỷ giá ngoại tệ)

+ Khi hàng nhập khẩu về biên giới tiếp nhận hàng theo quy định, kế toán ghi số tài khoản:

Nợ TK 151 – Hàng mua đang đi trên đường(TGTT)

Có TK 331 - Tỷ giá nhận nợ bằng ngoại tệ

Có TK 3333- Thuế nhập khẩu phải nộp nhà nước (tỷ giá nộp thuế)

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp

Có TK 33312- VAT trong phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp.

Có TK 515 – Lãi chênh lệch tỉ giá (hoặc Nợ TK 635 - Lỗ chênh lệch tỷ giá)

Trường hợp VAT phải nộp tính theo phương pháp khấu trừ thì ghi:

Nợ TK 133(1,2)

Có TK 33312

+ Căn cứ vào chứng từ kiểm nhận và mua hàng nhập khẩu để kế toán ghi nhận hàng tùy thuộc: hàng nhập khẩu là hàng hoá, vật tư nguyên vật liệu hay là TSCĐ để ghi sổ kế toán.

- Nếu nhập hàng hoá để bán theo phương thức bán thẳng không qua kho hoặc bán qua kho, kế toán ghi giá mua theo hoá đơn:

Nợ TK 157 - Gửi bán thẳng(KKTX)

Nợ TK 632 - Trực tiếp bán hàng tại cửa khẩu (KKTX)

Nợ TK 156(1561) - Nhập kho hàng hoá (KKTX)

Có TK 151 – Hàng mua đã kiểm nhận

- Các chi phí mua hàng hoá nhập khẩu được hạch toán

Nợ TK 1562

Có TK 151

Có TK 111, 112

- Trong trường hợp vật tư, nguyên liệu, tài sản cố định nhập khẩu để dùng tại đơn vị, thì ghi sổ theo giá thực tế tính cho hàng nhập khẩu:

Nợ TK 152, 153-KKTX

Nợ TK 211,213 – TSCĐ

Có TK 151 – Hàng mua đã kiểm nhận

Thuế của hàng nhập khẩu (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, VAT) đã nộp tại cửa khẩu hoặc sau khi tiếp nhận theo kê khai thông quan được ghi:

Số đã nộp

Nợ TK 3333, 3332, 33312

Có TK 111, 112

Trường hợp 2: Trả ngay bằng L/C

Theo thể thức thanh toán đồng thời bằng L/C người nhập khẩu tiến hành trả toàn bộ tiền hàng ngay sau khi tiếp nhận xong hàng nhập khẩu.

Khi hàng về nơi quy định, kế toán ghi:

Nợ TK 151 – Ghi theo tỷ giá thực tế (TGTT)

Có TK 331 – Ghi theo tỷ giá thực tế nhận nợ

Có TK 3333 – (111, 112) - Thuế nhập khẩu (tỷ giá nộp thuế)

Có TK 33312- VAT trực tiếp(tỷ giá nộp thuế)

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt(tỷ giá nộp thuế)

Có TK 515 – Lãi chênh lệch tỉ giá

Hoặc Nợ TK 635 - Lỗ chênh lệch tỉ giá

Ngân hàng đối chiếu bộ chứng từ với điều kiện mở L/C, nếu phù hợp thì tiến hành trả tiền cho người bán hàng:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán (tỷ giá thanh toán nợ)

Có TK 1122 - Tiền gửi ngoại tệ (TGHT - hoặc tỷ giá xuất ngoại tệ)

Có TK 515 – Lãi chênh lệch tỷ giá xuất ngoại tệ.

Hoặc Nợ TK 635 - Lỗ chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ khác hạch toán tương tự trường hợp 1.

Trường hợp 3: Trả chậm

Trong hình thức thanh toán trả chậm, người nhập khẩu được nợ tiền nhà cung cấp một khoảng thời gian nhất định sau thời điểm giao nhận xong hàng nhập khẩu.

Thời gian được nợ trả chậm tiền hàng dài hay ngắn là tùy thuộc vào sự thoả thuận của hai bên giao dịch, đã ghi trong hợp đồng thương mại trên cơ sở tính chất của hàng và luật quản lý ngoại hối của các nước quy định. Cách hạch toán như sau:

- Khi hàng về tới cảng, kế toán ghi hàng chờ kiểm nhận (giống trường hợp 2 ở trên)
- Kiểm nhận hàng về nơi bán thẳng, kho hàng hoá và về nơi sử dụng theo mục đích nhập khẩu (ghi giống trường hợp 2)
- Thanh toán hàng nhập khẩu đến hạn trả cho người bán.

Nợ TK 331 - Tỷ giá thực tế ghi nhận nợ thanh toán

Có TK 1122 - Tỷ giá xuất ngoại tệ

Có TK 515 – Lãi chênh lệch tỷ giá (Hoặc Nợ TK 635 - Lỗ chênh lệch tỷ giá)

Khi nhập khẩu hàng hoá và thanh toán tiền hàng nhập khẩu, nếu xảy ra trong trường hợp thừa, thiếu hàng hoá so với chứng từ, hoặc được chiết khấu thương mại hoặc chiết khấu thanh toán được hưởng, kế toán căn cứ chứng từ báo Có bổ sung để ghi giảm trị giá hàng nhập khẩu đối với chiết khấu thương mại hoặc ghi nhận doanh thu tài chính (chiết khấu thanh toán)

- Trường hợp kiểm nhận hàng nhập khẩu phát hiện thiếu, ghi chờ xử lý:

Nợ TK 138 (1381)

Có TK 151 – Hàng thiếu hụt chờ xử lý

- Trường hợp giảm giá; chiết khấu thương mại; chiết khấu thanh toán.

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 156, 152, 153... Hàng hoá, vật tư (KKTX) hoặc

Có TK 611 – Chi phí mua hàng (KKĐK) (phần giảm giá chiết khấu thương mại)

Có TK 515 - Chiết khấu thanh toán (nếu bù trừ thanh toán)

Nếu được giảm thuế GTGT (phương pháp khấu trừ thuế GTGT) thì ghi:

Nợ TK 33312 : phần giá trị được giảm giá, CKTM

Có TK 133: phần giá trị được giảm giá, CKTM

1.2.2. Kế toán nhập khẩu hàng hoá uỷ thác.

****Tại đơn vị giao uỷ thác***

Đơn vị giao uỷ thác là đơn vị chủ hàng được ghi sổ doanh số mua, bán hàng nhập khẩu. Khi giao quyền nhập khẩu cho bên nhận uỷ thác; đơn vị giao uỷ thác phải chuyển tiền hàng nhập khẩu để mở L/C; tiền thuế nhập khẩu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt có thể được nộp qua đơn vị nhận uỷ thác hoặc đơn vị uỷ thác tự nộp theo kê khai thuế nhận được người uỷ thác chịu trách nhiệm chi trả phí dịch vụ uỷ thác gồm: Hoa hồng uỷ thác, các phí tổn giao dịch ngân hàng và phí tổn tiếp nhận hàng tại cửa khẩu hàng. Trong quan hệ với bên nhận uỷ thác nhập khẩu, bên giao uỷ thác là bên sử dụng (bên mua dịch vụ) uỷ thác, vì thế kế toán cần mở chi tiết theo dõi tình hình thanh toán hoa hồng cùng các khoản thuế và chi phí chi hộ khác của từng hợp đồng uỷ thác.

Khi ứng trước tiền uỷ thác mua hàng bằng ngoại tệ kế toán ghi:

Nợ TK 331 – Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác (tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán)

Có TK 1112, (1122) - Tiền mặt – (tỷ giá xuất ngoại tệ hoặc tỷ giá hạch toán)

Chênh lệch tỷ giá nếu lãi ghi Có TK 515 – Doanh thu tài chính hoặc ghi Nợ TK 635 - Lỗ chênh lệch tỷ giá (trong trường hợp sử dụng tỷ giá thực tế)

Khi chuyển tiền Việt Nam để đơn vị nhận uỷ thác mua ngoại tệ nhập hàng; số tiền thực tế chuyển kế toán ghi:

Nợ TK 331 – Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác(tỷ giá thực tế)

Có TK 1112, 1121 - Tiền mặt, TGNH(tỷ giá thực tế)

Số tiền(VNĐ) chuyển giao cho đơn vị nhận uỷ thác phải quy đổi từ số ngoại tệ nhập khẩu hàng hoá theo hợp đồng. Trong khoảng thời gian có hiệu lực đã thoả thuận, nếu thừa hoặc thiếu tiền Việt Nam mua ngoại tệ, đơn vị giao uỷ thác phải có trách nhiệm thanh toán với người nhận uỷ thác. Số chênh lệch tỷ giá thời điểm mua ngoại tệ và ngược lại chênh lệch chuyển đổi tiền VNĐ thành ngoại tệ thanh toán nhập khẩu sau thời hạn quy định của hợp đồng uỷ thác thuộc trách nhiệm xử lý của đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu.

- Ghi giá trị hàng uỷ thác nhập khẩu do đơn vị nhận uỷ thác giao trả (gồm giá trị hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế GTGT tính trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt - nếu có):

Nợ TK 152, 156, 211...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT hàng NK (nếu được khấu trừ)

Có TK 331 - Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác

- Ghi số thuế phải nộp NSNN do đơn vị giao uỷ thác tự nộp:

Nợ TK 331 - Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác

Có TK 111, 112

- Phản ánh các khoản phí uỷ thác, các khoản được chi hộ cho hoạt động uỷ thác phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác:

Nợ TK 152, 156, 211... Giá trị hàng nhập khẩu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đầu vào của hàng NK (nếu có VAT tính trên số hoa hồng và VAT khác)

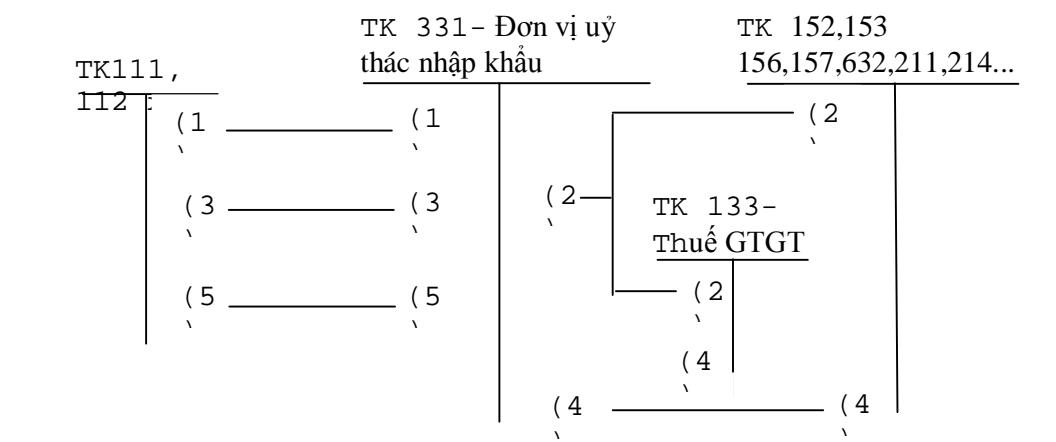
Có TK 331 - Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu

- Phản ánh số tiền thanh toán cho bên nhận uỷ thác (số tiền hàng thiếu, tiền thuế phải nộp được đơn vị nhận uỷ thác nộp hộ, phí uỷ thác nhập khẩu, các khoản được chi hộ...):

Nợ TK 331 - Chi tiết đơn vị nhận uỷ thác

Có TK 111, 112 - Số tiền xuất thanh toán.

Hạch toán hoạt động kinh doanh nhập khẩu uỷ thác tại đơn vị uỷ thác nhập khẩu (tại đơn vị giao uỷ thác được khái quát theo sơ đồ 1.2)



Sơ đồ 1.2: Hạch toán nhập khẩu uỷ thác tại đơn vị uỷ thác nhập khẩu (giao uỷ thác)

Trong sơ đồ 1.2:

- (1) Ứng trước tiền uỷ thác mua hàng nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác.
- (2) Nhận hàng uỷ thác nhập khẩu (gồm cả giá trị hàng nhập khẩu, các loại thuế phải nộp)
- (3) Đơn vị giao uỷ thác tự nộp thuế cho hàng nhập khẩu uỷ thác theo thủ tục kê khai thuế nhận từ đơn vị nhận uỷ thác.
- (4) Phí uỷ thác phải trả, các khoản phí chi hộ phải trả
- (5) Thanh toán các khoản phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu.

1.3. Hạch toán kế toán bán hàng nhập khẩu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

1.3.1. Xác định giá vốn và hạch toán giá vốn hàng nhập khẩu (phương pháp kê khai thường xuyên)

Xác định giá vốn hàng nhập khẩu đã bán tùy thuộc vào cách chuyển chủ hàng hoá nhập khẩu và phương pháp đánh giá hàng tồn kho theo quy định của chuẩn mực kế toán số 02 của Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Nếu hàng nhập khẩu lưu chuyển bán thẳng thì giá vốn hàng bán thẳng tính theo giá đích danh của thương vụ nhập khẩu.

Nếu hàng nhập khẩu nhập kho, sau đó được xuất kho tiêu thụ để bán thì có thể áp dụng một trong các phương pháp tính giá hàng tồn kho (HTK) như: nhập trước - xuất trước, nhập sau - xuất trước, bình quân gia quyền hoặc giá hạch toán. Việc lựa chọn thuộc về doanh nghiệp xuất nhập khẩu và phải đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin thích hợp cho quản lý “HTK”, quản lý kinh doanh hàng nhập khẩu.

Hạch toán chi tiêu giá vốn được thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành như sau:

***Trường hợp bán thẳng không qua kho (gửi bán hoặc bán trực tiếp)**

Khi giao hàng trực tiếp cho khách hàng mua tại cửa khẩu nhập hàng, kế toán căn cứ chứng từ bán hàng ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 151 – Hàng mua đang đi đường

Khi gửi hàng tới điểm hẹn mua của khách hàng trong nước thì kế toán ghi sổ theo dõi “ Hàng gửi bán” TK 157:

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán

Có TK 151 – Hàng mua đang đi trên đường

Khi đã bán được hàng gửi bán, ghi kết chuyển trị giá vốn:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 157 – Hàng gửi bán

- Trường hợp bán hàng nhập khẩu qua kho

- Bán buôn qua kho theo hình thức gửi bán.

Khi xuất hàng hoá gửi cho khách hàng hoặc gửi cho đại lý, kế toán ghi giá vốn:

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán

Có TK 156(1561) – Hàng hoá

Khi hàng gửi bán đã bán, kế toán ghi:

Giá vốn kết chuyển

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 157 – Hàng gửi bán

- Trường hợp bán hàng theo phương thức giao hàng đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng

Khi giao hàng cho đại lý, căn cứ chứng từ xuất hàng hoặc mua hàng giao thẳng đại lý, kế toán ghi giá vốn hàng gửi bán.

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán đại lý

Có TK 156 - Xuất kho giao đại lý, hoặc

Khi lô hàng gửi đại lý đã bán được, kế toán ghi kết chuyển giá vốn:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 157 – Hàng gửi bán

- Khi xuất kho hàng hoá giao cho đơn vị trực thuộc để bán, kế toán ghi:

Nếu sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, ghi:

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán

Có TK 156 – Hàng hoá

Nếu doanh nghiệp sử dụng hoá đơn bán hàng thì ghi giá vốn theo bút toán:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 156 – Hàng hoá

- Trường hợp xuất hàng hoá để khuyến mại, quảng cáo, biếu tặng:

Giá vốn hàng hoá biếu, tặng, quảng cáo, khuyến mại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1561 – Hàng hoá

- Cuối kỳ ghi chi phí mua phân bổ cho hàng nhập khẩu bán ra:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 1562 – Phí mua hàng hoá.

1.3.2. Doanh thu và hạch toán kế toán doanh thu bán hàng nhập khẩu.

1.3.2.1. Xác định doanh thu bán hàng.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Như vậy, ghi nhận doanh thu bán hàng theo nguyên tắc thận trọng của kế toán chung và phương pháp kế toán trên cơ sở dồn tích phải thoả mãn định nghĩa doanh thu và các điều kiện ghi nhận nêu trên. Từ đó, việc xác định doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải tuỳ thuộc vào loại hoạt động, cụ thể:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (giá bán đã có thuế GTGT).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc chưa trừ thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả góp theo phương thức phân bổ doanh thu chưa thực hiện vào từng kỳ thu nợ khách hàng nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán

hàng này được theo dõi riêng biệt trên các Tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại", hoặc Tài khoản 532 "Giảm giá hàng bán", Tài khoản 521 "chiết khấu thương mại".

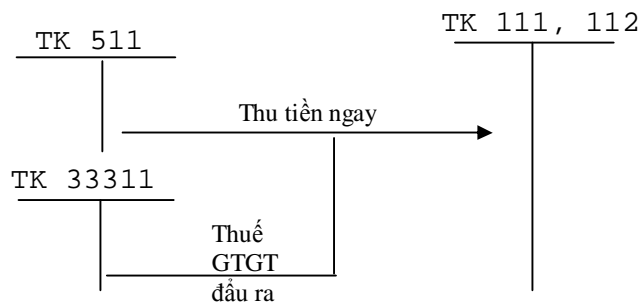
- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" mà chỉ hạch toán là khoản nợ phải trả về khoản tiền đã nhận ứng của khách hàng. Khi đã giao hàng cho người mua "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" được ghi nhận.

1.3.2.2. Hạch toán doanh thu hoá đơn

***Hạch toán doanh thu hoá đơn trong điều kiện đơn vị áp dụng VAT khấu trừ.**

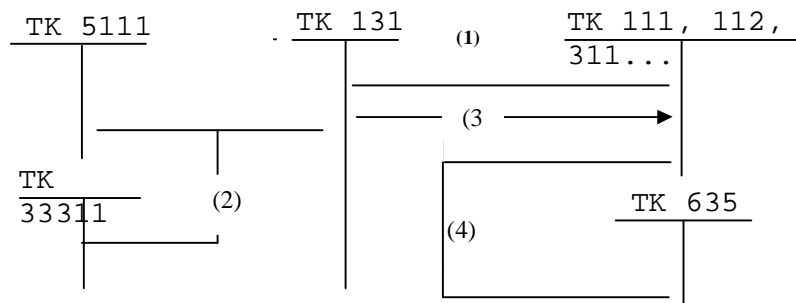
- Trường hợp bán thu tiền một lần theo giá hoá đơn.

+ Nếu thanh toán ngay, hạch toán doanh thu theo sơ đồ sau:(sơ đồ 1.3)



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu thanh toán ngay.

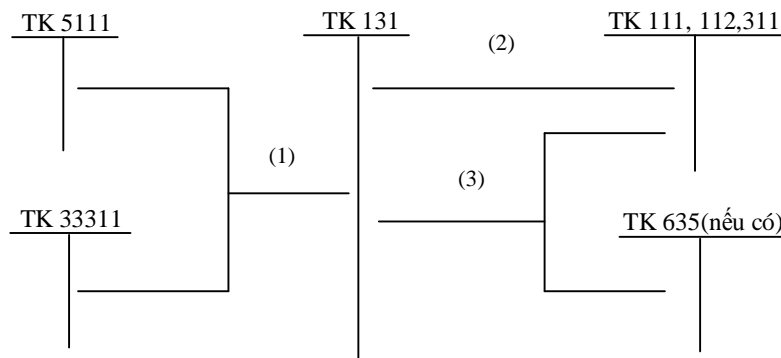
+ Nếu nhận ứng trước; giao bán sau, hạch toán doanh thu hoá đơn theo sơ đồ sau:(sơ đồ 1.4)



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu nhận ứng trước, giao bán sau

Trong sơ đồ 1.4:

- (1) Khách hàng ứng trước tiền mua hàng.
 - (2) Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá (theo phương pháp khấu trừ)
 - (3) Thu nốt số tiền hàng chênh lệch thiếu.
 - (4) Chiết khấu thanh toán chấp nhận cho khách hàng hưởng(nếu có).
- + Nếu bán chịu thì doanh thu ghi nhận theo sơ đồ sau (sơ đồ 1.5):



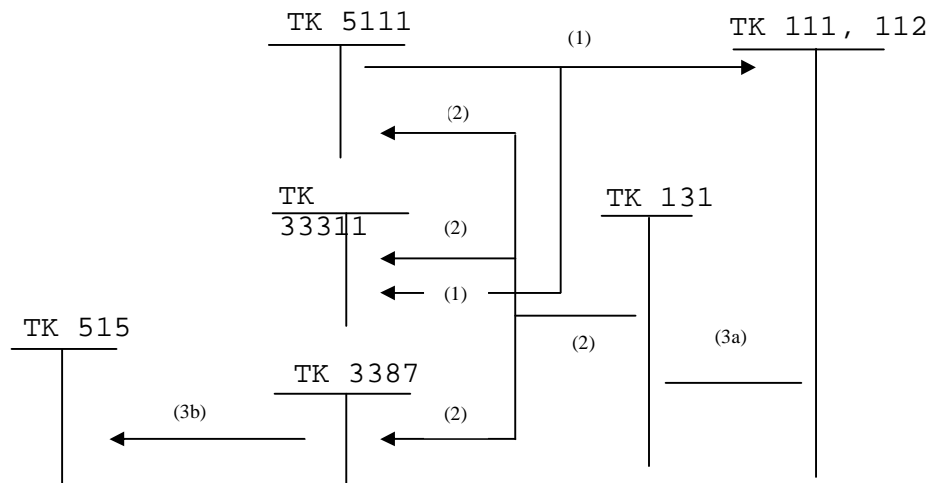
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán chịu

Trong sơ đồ 1.5:

- (1) Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá (theo phương pháp khấu trừ).
 - (2) Khách hàng thanh toán tiền hàng.
 - (3) Chiết khấu thanh toán chấp nhận cho khách hàng hưởng do thoả mãn điều kiện thanh toán Nợ(nếu có).
- Trường hợp bán hàng trả chậm (hoặc trả góp).

Theo quy định của chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác số 14 của Việt Nam: Tiền thu bán hàng trả chậm được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành.

Hạch toán kế toán doanh thu bán hàng trả chậm (hoặc trả góp) được ghi nhận theo sơ đồ sau: (sơ đồ 1.6)



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng trả chậm (hoặc trả góp)

Trong sơ đồ 1.6:

(1) Số tiền đã thu của khách hàng lần đầu (không tính lãi trả góp).

(2) Tổng số tiền còn phải thu của khách hàng (nợ trả góp phải thu).

(3a) Thanh toán nợ phải thu (điều kiện trả góp cả gốc và lãi).

(3b) Phân bổ lãi trả góp tại kỳ thanh toán nợ phải trả góp;

- Trường hợp bán đại lý ký gửi:

+ Thì đối với đơn vị giao đại lý ký gửi hạch toán doanh thu bán hàng theo trường hợp bán hàng trên. Chi phí hoa hồng được ghi chi phí bán hàng theo bút toán:

Nợ TK 641(7) - hoa hồng đại lý

Nợ TK 133(1) - VAT mua

Có TK 131 - Bù trừ nợ phải thu

Có TK 111, 112 - Thanh toán trực tiếp

+ Đối với đơn vị nhận bán đại lý thì được xuất hoá đơn đòi hoa hồng để ghi nhận doanh thu dịch vụ và khai thuế GTGT đầu ra phải nộp trên doanh thu hoa hồng bán đại lý.

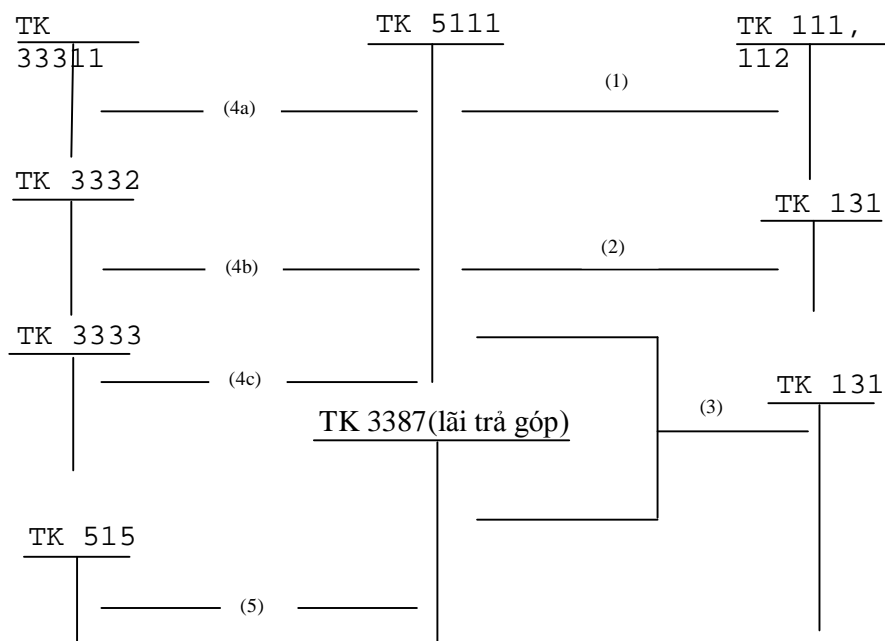
Nợ TK 111, 112

Hoặc Nợ TK 331 - chủ giao đại lý (hoặc 131)

Có TK 5113 - Hoa hồng

Có TK 33311 - VAT phải nộp.

*Hạch toán doanh thu hoá đơn bán hàng hoá nhập khẩu trong điều kiện doanh nghiệp áp dụng VAT trực tiếp hoặc các luật thuế hàng hoá khác được phản ánh khái quát qua sơ đồ sau:(sơ đồ 1.7)



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng nhập khẩu

Trong sơ đồ 1.7:

- (1) Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ (thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- (2) Bán chịu
- (3) Bán hàng theo phương thức trả góp
- (4a) Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- (4b) Thuế tiêu thụ đặc biệt
- (4c) Thuế xuất khẩu trong trường hợp hàng nhập khẩu tái xuất khẩu
- (5) Định kỳ, kết chuyển vào doanh thu tài chính tiền lãi đã trả góp thu từng kỳ.

1.3.3. Hạch toán kế toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu

*Hạch toán chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua do người mua đã thanh toán tiền mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ) trước thời hạn thanh toán đã thoả thuận (ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết thanh toán việc mua hàng) hoặc vì một lý do ưu đãi khác.

Chiết khấu thanh toán được theo dõi cho từng khách hàng và từng loại hàng bán.

Trình tự hạch toán như sau:

Nợ TK 635: Tập hợp chiết khấu thanh toán

Có TK 111,112,131,3388

*Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hạch toán chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

Có TK 111, 112, 131

Nếu VAT trực tiếp thì kế toán ghi chiết khấu theo tỷ lệ trên giá ghi doanh thu đã có VAT

Nợ TK 521

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua sang tài khoản doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại

- Hạch toán hàng bán bị trả lại

Trị giá hàng bị trả lại = Số lượng hàng bị trả lại x Đơn giá bán(không VAT hoặc giá có VAT)

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại này mà doanh nghiệp phải chịu được phản ánh vào tài khoản 641 – Chi phí quản bán hàng. Trong kỳ kế toán, trị giá của hàng hoá bị trả lại được phản ánh bên Nợ TK 531 –

hàng bán bị trả lại. Cuối kỳ, tổng giá trị hàng bán bị trả lại được kết chuyển sang tài khoản doanh thu bán hàng để xác định doanh thu thuần.

Kế toán ghi sổ như sau:

+ Trường hợp hàng bán bị trả lại

Khi doanh nghiệp nhận lại số hàng bán bị trả lại và đã nhập lại số hàng này vào kho, ghi giá vốn giảm:

Nợ TK 155 - Nhập kho thành phẩm

Nợ TK 157 - Gửi tại kho của người mua

Nợ TK 138 (1381) – Giá trị chờ xử lý

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán bị trả lại.

Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại ghi:

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng

Có TK 111, 112, 141, 334...

Doanh số bán của hàng bán bị trả lại(căn cứ hoá đơn nhận từ khách hàng)

+ Nếu áp dụng VAT khấu trừ thì ghi:

Nợ TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 33311 - Thuế GTGT phải trả cho khách hàng tương ứng với số doanh thu của hàng bán bị trả lại

Có TK 111, 112, 131

+ Nếu áp dụng VAT trực tiếp hoặc các luật thuế hàng hoá khác thì ghi:

Nợ TK 531

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 531 – Hàng bán bị trả lại

- Hạch toán giảm giá hàng bán

Trong kỳ hạch toán, khoản giảm giá hàng bán phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán. Nếu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì mức giảm giá ghi bên Nợ TK 532 tính theo giá chưa có thuế GTGT; ngược lại nếu áp dụng VAT phương pháp trực tiếp hoặc các loại thuế khác thì mức giảm giá ghi bên Nợ TK 532 được tính trên giá bán có thuế. Cuối kỳ, kết chuyển tổng số tiền giảm giá hàng bán vào tài khoản doanh thu bán hàng để xác định doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.

Trình tự hạch toán được tiến hành như sau:

Khi có chứng từ xác định khoản giảm giá hàng bán cho người mua về số lượng hàng đã bán:

+ Nếu khách hàng đã thanh toán tiền mua hàng, doanh nghiệp thanh toán cho khách hàng khoản giảm giá đã chấp thuận ghi:

Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán tính theo giá bán chưa có thuế GTGT

Nợ TK 33311 - Thuế GTGT tương ứng

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 131 - trường hợp bù trừ thanh toán hoặc chưa trả.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng VAT trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc hàng nhập khẩu tái xuất khẩu chịu thuế xuất khẩu thì ghi:

Nợ TK 532 (giá có thuế)

Có TK 111, 112, 131(giá có thuế)

+ Cuối kỳ hạch toán, kết chuyển sang tài khoản doanh thu bán hàng toàn bộ số giảm giá hàng bán, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 532 - Giảm giá hàng bán.

Doanh số mua, bán hàng nhập khẩu cùng với các hoạt động khác được doanh nghiệp kết hợp để hạch toán và thực hiện chế độ báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ báo cáo theo từng chỉ tiêu tài chính: lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt

động kinh doanh, lợi nhuận hoạt động khác, lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận kế toán sau thuế.

1.4. Kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại Mỹ

Kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại Mỹ được xác định bởi 3 yếu tố sau:

Doanh thu bán hàng (Revenues from Sales)

Giá vốn hàng bán (Cost of Goods Sold)

Chi phí hoạt động (Operating Expenses)

Trong đó

+ Doanh thu bán hàng trừ (-) Giá vốn hàng bán bằng (=) Lãi gộp từ hoạt động bán hàng (Gross Margin from Sales).

+ Lãi gộp từ hoạt động bán hàng trừ (-) Chi phí hoạt động (Operating Expenses) bằng (=) Thu nhập thuần (Net Income).

*Các nghiệp vụ ghi chép liên quan đến doanh thu bán hàng

Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng cần đảm bảo thực hiện các nguyên tắc:

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu (Revenue Realization Principle): Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm bán hàng.
- Kế toán dồn tích (Accrual Accounting): doanh thu được ghi nhận khi đã đạt được, chi phí được ghi nhận khi chúng tiêu hao để tạo ra doanh thu, không kể tiền đã thu hoặc chi hay chưa.

- Doanh thu gộp (Gross Sales)

Doanh thu gộp là tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng đã thu tiền (Sales for Cash) và doanh thu bán chịu (Sales on Credit) phát sinh trong kỳ kế toán.

Bút toán để ghi chép như sau:

Tiền (Cash).....	xxx	
Khoản phải thu (Accounts Receivable).....	xxx	
Doanh thu bán hàng (Sales).....		xxx

- Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán (Sales Returns and Allowances)

Các nhà quản trị rất quan tâm đến thông tin về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán vì những thông tin này có thể đo lường mức độ thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Hệ thống kế toán sẽ cung cấp những thông tin này, bút toán ghi sổ như sau:

Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.....	xxx	
Khoản phải thu (Accounts Receivable).....		xxx
Tiền (Cash).....		xxx
- Chiết khấu thanh toán (Sales Discounts)		

Để đẩy mạnh việc bán hàng, người bán thường cho mua chịu trong một thời hạn nhất định và nhằm khuyến khích bên mua thanh toán nhanh, bên bán sẽ dành cho bên mua được hưởng một khoản chiết khấu (Discounts) tính theo tỷ lệ % trên giá bán nếu người mua thanh toán trong thời hạn quy định.

Bút toán ghi sổ:

Khi bán hàng		
Khoản phải thu (Accounts Receivable).....	xxx	
Doanh thu bán hàng (Sales).....		xxx
Khi khách hàng trả tiền trong kỳ hạn được hưởng chiết khấu:		
Tiền (Cash).....	xxx	
Chiết khấu bán hàng (Sales Discounts).....	xxx	
Khoản phải thu (Accounts Receivable).....		xxx

*Các nghiệp vụ ghi chép liên quan giá vốn hàng bán.

- Giá mua thuần (Net purchases)

Hàng mua thuần = Hàng mua gộp (Gross purchases) – Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua (purchases returns and allowances) - Chiết khấu mua hàng (purchases discounts) + chi phí vận chuyển hàng mua (Freight In).

Kế toán hàng mua theo phương pháp giá gộp (Gross method)

Kế toán hàng mua theo giá mua ban đầu được gọi là kế toán theo phương pháp giá gộp.

Bút toán ghi sổ theo hệ thống kê khai thường xuyên:		
Hàng tồn kho (Merchandise Inventory).....	xxx	
Khoản phải trả (Accounts Payable).....		xxx

Theo hệ thống kiểm kê định kỳ		
Mua hàng (purchases).....	xxx	
Khoản phải trả (Accounts Payable).....		xxx

Trong bút toán trên, tài khoản mua hàng (purchases) là tài khoản tạm thời và chỉ sử dụng trong hệ thống kiểm kê định kỳ để ghi chép hàng mua vào (để bán lại).

- Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua (purchases returns and allowances).

Khi phát sinh nghiệp vụ trả lại hàng mua hoặc hàng mua được giảm giá, kế toán phải mở tài khoản Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua (purchases returns and allowances) để ghi chép.

Bút toán như sau:

Theo hệ thống thường xuyên:		
Khoản phải trả (Accounts payable).....	xxx	
Hàng tồn kho (Merchandise inventory)...		xxx

Theo hệ thống định kỳ:

Khoản phải trả (Accounts payable).....		
Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua (purchases returns and allowances).....	xxx	xxx

- Chiết khấu mua hàng (purchases discounts)

Trong trường hợp công ty thanh toán trong thời hạn được hưởng chiết khấu mua hàng, kế toán mở tài khoản chiết khấu mua hàng (purchases discounts) để ghi chép.

Bút toán ghi sổ:

Theo hệ thống thường xuyên

Khoản phải trả (Accounts Payable).....	XXXX	
Hàng tồn kho (Merchandise Inventory)....		XX
Tiền (Cash).....		XXX

Theo hệ thống định kỳ:

Khoản phải trả (Accounts payable).....	XXXX	
Chiết khấu mua hàng.....		XX
Tiền (Cash).....		XXX

Kế toán mua hàng theo phương pháp giá thuần (Net method)

Trường hợp công ty muốn theo dõi kiểm soát chiết khấu mua hàng không được hưởng do thanh toán chậm, kế toán mở tài khoản Chiết khấu mua hàng bị mất (Purchases Discounts Lost) và ghi chép theo phương pháp giá thuần (Net Method).

***Chi phí vận chuyển hàng (Freight In).**

Khi phát sinh chi phí kế toán ghi sổ theo bút toán:

Chi phí vận chuyển hàng mua (Freight – in)....	xxx	
Tiền (Cash).....		xxx

Trong một số trường hợp, hợp đồng quy định các điều kiện cơ sở giao hàng liên quan đến việc người mua hoặc người cung cấp hàng trả chi phí vận chuyển theo điều kiện FOB hoặc CIF.

Nếu người cung cấp thanh toán chi phí vận chuyển và sau đó tính lại với người mua bằng cách ghi riêng một mục trên hoá đơn (Invoice) thì kế toán bên mua phải ghi chép nghiệp vụ mua hàng và chi phí trên các tài khoản riêng biệt.

***Chi phí hoạt động:**

Chi phí hoạt động là thành phần chủ yếu thứ ba trong báo cáo kết quả kinh doanh của công ty kinh doanh thương mại. Bao gồm 2 loại: Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm toàn bộ chi phí của cửa hàng, chi phí bảo quản, trưng bày...

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí chung của văn phòng, chi phí bộ phận nhân sự, chi phí bộ phận kế toán và những chi phí có tính chất chung khác.

Trên đây là kế toán lưu chuyển hàng hoá tại công ty thương mại tại Mỹ và phương pháp xác định kết quả hoạt động tại công ty thương mại tại Mỹ.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CÔNG TY EDD.

2.1. Tổng quan về công ty TNHH EDD.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH EDD

Công ty TNHH EDD được thành lập theo quyết định số 0102002565, do sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp ngày 17/05/2001

Trụ sở chính của công ty: tại Phòng 12 Nhà B2, Tập thể Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Văn Phòng giao dịch: Số 81, Phố Đại La, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty TNHH EDD là công ty tư nhân hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản mở tại ngân hàng...

Năm 2001, Do mới thành lập ban đầu Công ty chỉ đi vào nghiên cứu thị trường cũng như thử nghiệm về mẫu mã và chất lượng của mặt hàng chất cách điện. Đến cuối năm 2001 và sang đầu năm 2002 Công ty mới chính thức kinh doanh nhập khẩu mặt hàng chất cách điện (mở nhờ cấp thông tin).

Năm 2004, Công ty mở rộng kinh doanh thêm mặt hàng hoá mỹ phẩm và đồ gia dụng...

Sau 4 năm hoạt động kể từ ngày thành lập từ một Công ty kinh doanh thương mại đơn thuần chỉ có nhập khẩu và mua bán. Đến năm 2005 Công ty thuê thêm mặt bằng tại ... để mở rộng sản xuất mặt hàng hoá mỹ phẩm (dầu gội đầu, sữa tắm, sữa làm trắng da, sữa dưỡng da...). Dây chuyền công nghệ và nguyên liệu để sản xuất hoá mỹ phẩm được nhập khẩu từ Mỹ và đang trong quá trình thử nghiệm và dự định đưa vào sản xuất năm 2007.

Hiện tại mặt hàng kinh doanh chính của công ty là chất cách điện nhập từ Ấn Độ và hàng gia dụng, đồ gia đình nhập từ Thái Lan.

Từ khi mới thành lập nhân viên công ty chỉ có 6 người đến nay số lượng nhân viên và công nhân lên đến hơn 30 người. Trong đó:

+ Trình độ Đại học là : 10 người.

+Trình độ Trung cấp là: 5 người.

+ Trình độ PTTH là : 15 người

Trong những năm qua hoạt động kinh doanh của công ty mặc dù gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh. Nhưng Công ty đã không ngừng vươn lên và khẳng định vị thế và vai trò của mình trên thị trường trong nước cũng như ngoài nước.

2.1. 2. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá

- Hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Hàng hoá nhập khẩu chủ yếu của công ty là:

+ Hoá chất, CaCO₂

+ Chất cách điện cho cáp thông tin

+ Dầu mỡ

+ Hàng gia dụng nhập khẩu từ Italia

+ Hàng gia dụng nhập khẩu từ Thái Lan

+ Tủ đông, tủ mát.

Đặc điểm của những mặt hàng này là có giá trị lớn, hàng hoá dễ bảo quản.

- Thị trường hàng hoá nhập khẩu

Nguồn nhập hàng của công ty chủ yếu là nhập khẩu từ các nước: Ấn Độ, Italia, Thái Lan.

Trong bài luận văn này em xin chỉ đi sâu về một mặt hàng đồ gia dụng được nhập khẩu chủ yếu từ Thái Lan.

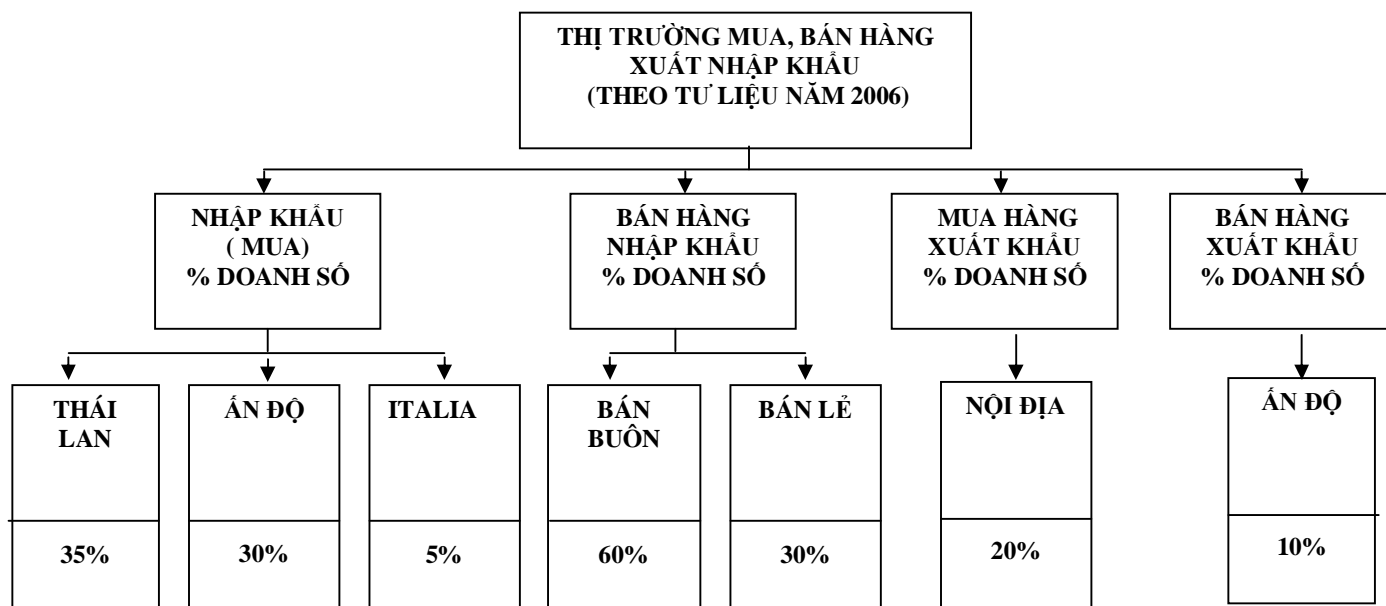
- Thị trường bán hàng nhập khẩu.

Công ty nhập hàng bán chủ yếu cho thị trường nội địa

Khách hàng tiêu thụ hàng chất cách điện chủ yếu là các ngành bưu điện, đường sắt, doanh nghiệp, các dự án, ...

Mặt hàng gia dụng công ty nhập khẩu để bán lẻ và xuất cho các siêu thị trong thị trường Hà Nội, các công ty chuyên phân phối hàng.

- Thị trường và thị phần kinh doanh của công ty TNHH EDD được thể hiện qua sơ đồ 2.1 sau:



SƠ ĐỒ 2.1.: THỊ TRƯỜNG VÀ THỊ PHẦN KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH EDD.

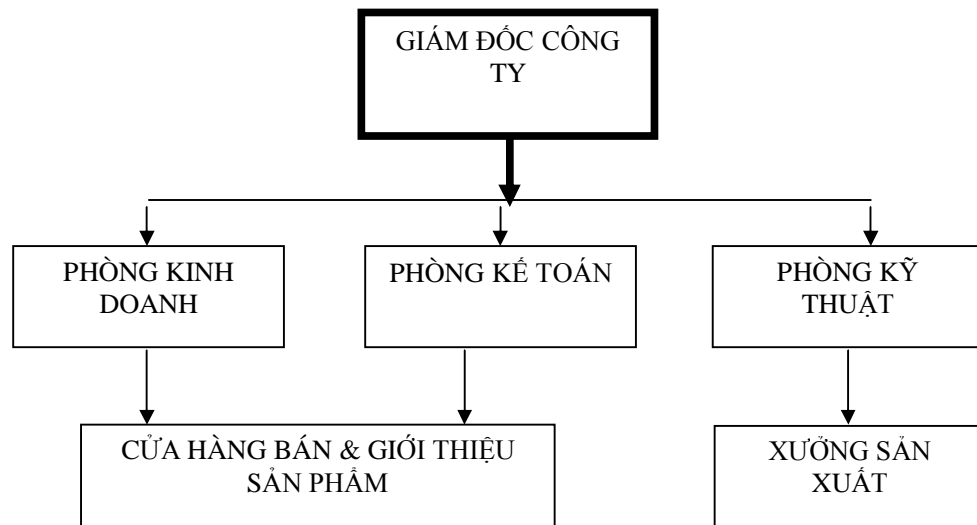
2.1.3. Tổ chức quản lý và bộ máy quản lý

Công ty TNHH EDD có số thành viên góp vốn là 3 người và với số vốn góp là ban đầu là 1.500.000.000. Theo số liệu năm 2006, Nợ ngắn hạn là 2.573.576.876, Nguồn vốn chủ sở hữu là 1.521.432.360.

Từ khi mới thành lập nhân viên công ty chỉ có 6 người đến nay số lượng nhân viên và công nhân lên đến hơn 30 người. Trong đó:

- + Trình độ Đại học là : 10 người.
- +Trình độ Trung cấp là: 5 người.
- + Trình độ PTTH là : 15 người

Công ty có mô hình tổ chức quản lý tập trung theo sơ đồ 2.2 sau:



SƠ ĐỒ 2.2: TỔ CHỨC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY

* Phòng kinh doanh có 3 người :

- 1 nhân viên xuất, nhập khẩu: Nhiệm vụ của nhân viên xuất, nhập khẩu tại Công ty là giao dịch và làm các thủ tục xuất nhập khẩu hàng : Như mở tờ khai hải quan, hợp đồng ngoại, Packing list, INVOICE, C/O, kiểm tra lịch tàu.

- 2 nhân viên thị trường: Nhiệm vụ của nhân viên thị trường là xúc tiến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ về chất cách điện và hoá mỹ phẩm, lên kế hoạch tiêu thụ hàng hoá.

* Phòng Kế Toán gồm có 7 người

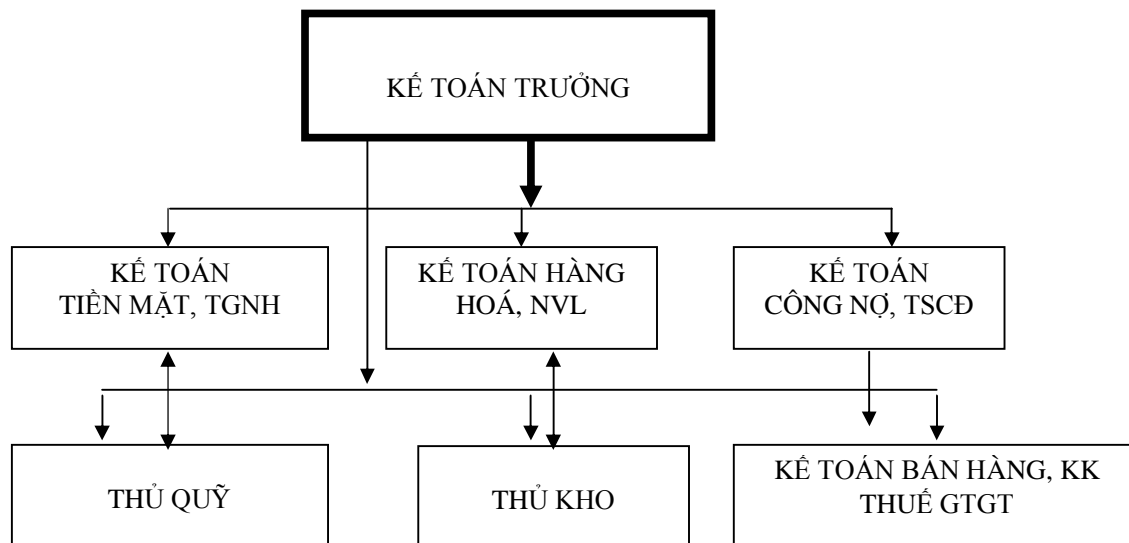
phòng có chức năng nhiệm vụ là thực hiện công tác kế toán trên hệ thống chứng từ sổ kế toán và báo cáo theo luật định chế độ kế toán; quản lý các hoạt động tài chính của Công ty; quản lý các tài khoản, ngân quỹ của Công ty; tiến hành các nghiệp vụ thu chi và trực tiếp giao dịch với các tổ chức tài chính.

Phòng kỹ thuật gồm 4 người chịu trách nhiệm về việc sản xuất sản phẩm hoá mỹ phẩm

Tất cả các bộ phận phòng ban đều chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung theo sơ đồ 2.3 sau:



SƠ ĐỒ 2.3:TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

Phòng kế toán của Công ty gồm có 7 người, trong đó 3 kế toán có trình độ đại học, 2 kế toán có trình độ cao đẳng và 2 kế toán có trình độ trung cấp.

- Kế toán trưởng : Là người chịu trách nhiệm chính trước ban giám đốc Công ty về tài chính và tổ chức công tác kế toán.

- Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng : Có trách nhiệm theo dõi về tiền lượng tiền mặt tại quỹ và tiền gửi tại ngân hàng, lập chứng từ thu, chi tiền mặt, lập uỷ nhiệm chi, mua bán ngoại tệ qua Ngân hàng.

- Kế toán bán hàng : Theo dõi về bán hàng và thu tiền bán hàng tại cửa hàng và các siêu thị, đại lý.

- Kế toán hàng hoá, NVL : Theo dõi về việc mua, bán hàng hoá, nguyên vật liệu...

- Kế toán TSCĐ, công nợ phải thu, phải trả : Theo dõi và nhập số liệu về việc tăng giảm tài sản cố định, theo dõi và các khoản công nợ phải thu, phải trả.

- Thủ quỹ : Có trách nhiệm quản lý và theo dõi tiền mặt tại quỹ Công ty.

- Thủ kho : Có trách nhiệm theo dõi việc nhập xuất hàng hoá, nguyên vật liệu tại kho.

* Do đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty, hình thức tổ chức kế toán của công ty là tổ chức kế toán tập trung. Theo hình thức này công tác kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của công ty.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12.

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hình thức sổ kế toán mà Công ty đang áp dụng là hình thức sổ kế toán Nhật Ký Chung được cải tiến, sửa đổi thực hiện trên phần mềm kế toán máy fast Accounting.

Phương pháp khấu hao là phương pháp khấu hao đều theo thời gian trên cơ sở áp dụng chế độ tài chính ban hành tại QĐ 206/2001.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho là phương pháp bình quân tháng.

Hình thức sở hữu vốn là TNHH với số vốn góp là 1.500.000.000.

* Công ty TNHH EDD hiện đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quyết định 144/TC/QĐ/CĐKT ngày 21/12/2001 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, cùng với các văn bản hướng dẫn sửa đổi, cho đến nay Công ty chưa triển khai áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006 của bộ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

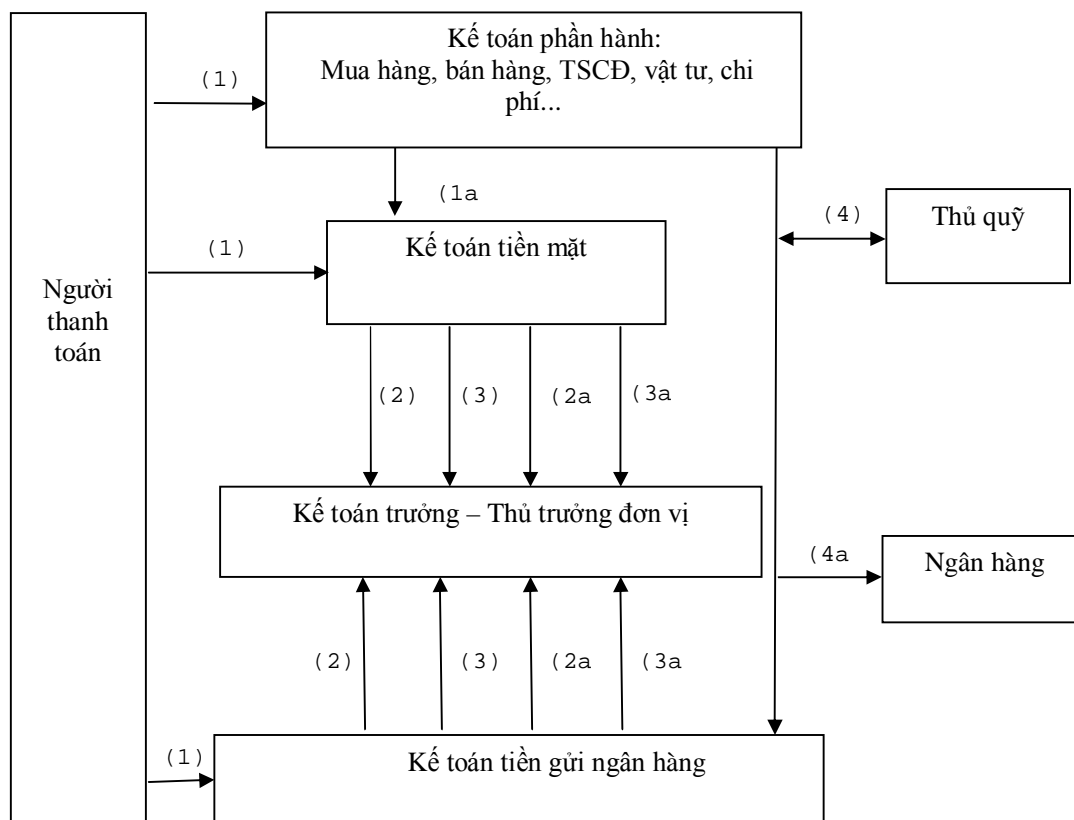
Về cơ bản công ty vận dụng tuân thủ chế độ chung gồm:

- Chế độ chứng từ: vận dụng 5 chỉ tiêu; quy trình luân chuyển chứng từ phản ánh đúng qua sơ đồ 2.4.

Trình tự luân chuyển chứng từ:

Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ do kế toán trưởng đơn vị quy định. Chứng từ do đơn vị lập ra hay từ bên ngoài vào đều phải tập trung vào phòng kế toán để kiểm tra và xác minh thì chứng từ đó mới được dùng để ghi sổ kế toán.

* Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty EDD



SƠ ĐỒ 2.4: QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY EDD

1 Nhận chứng từ từ người thanh toán

1a: Kế toán phân hành kiểm tra chứng từ, lập chứng từ ghi sổ chuyển kế toán tiền mặt.

2: Kế toán tiền mặt sau khi kiểm tra chứng từ chuyển kế toán trưởng và giám đốc ký

2 a: Trình giám đốc ký

3: Trình kế toán trưởng duyệt phiếu thu, chi...

4: Kế toán tiền mặt chuyển chứng từ phiếu thu, chi cho thủ quỹ làm căn cứ chi tiền

4a: kế toán tiền gửi ngân hàng chuyển chứng từ kế toán đi ngân hàng.

** Vận dụng chế độ tài khoản kế toán*

Nhìn chung công ty áp dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên do đặc thù kinh doanh là thương mại do vậy có một số tài khoản do không có nghiệp vụ phát sinh nên công ty đã không sử dụng và có một số tài khoản doanh nghiệp đã chi tiết theo từng đối tượng để dễ theo dõi. Hệ thống tài khoản doanh nghiệp sử dụng từ chế độ khung được nêu tại phụ lục 2.1.

- Đặc điểm vận dụng hệ thống sổ sách kế toán của Công ty

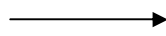
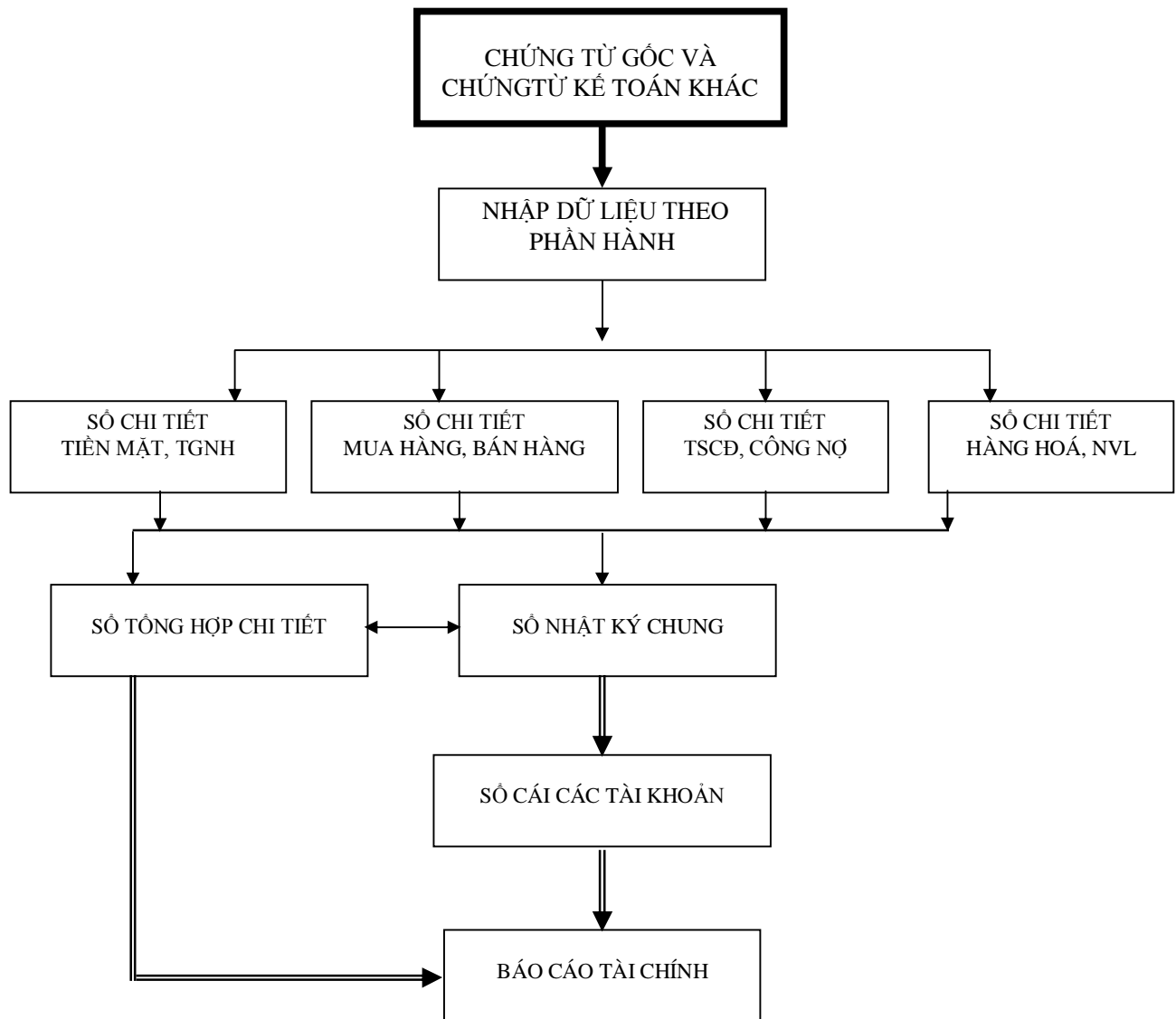
Sau khi thu thập chứng từ gốc, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy từ các cửa sổ nhập số liệu, máy sẽ tự động xử lý ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp và lên bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung kết hợp với phần mềm kế toán Fast Accounting. Đây là hình thức ghi sổ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa. (sơ đồ 2.5)

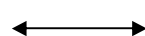
- Hệ thống báo cáo kế toán Công ty đang sử dụng thống kê theo bảng sau:

TT	Tên báo cáo	Ký hiệu
1	Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B01-DNN
2	Kế hoạch kinh doanh	Mẫu số B02-DNN
3	Thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DNN
4	Bảng cân đối tài khoản	Mẫu số F01-DNN
5	Trình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính	Mẫu số F02-DNN
6	Bảng tăng giảm hàng nhập - Xuất - Tồn hàng hóa	Mẫu số B15a-KTNB
7	Bảng tăng giảm hàng nhập - Xuất - Tồn vật tư, vật liệu	Mẫu số 16-KTNB

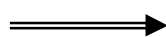
Có thể khái quát quy trình hạch toán kế toán tại công ty theo đặc thù vận dụng chế độ chung qua sơ đồ sau: (sơ đồ 2.5)



Ghi hàng ngày



Quan hệ đối chiếu



Ghi cuối tháng, quý

SƠ ĐỒ 2.5: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG XỬ LÝ THEO PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING TẠI CÔNG TY TNHH EDD

2.2. Thực trạng hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

2.2.1. Thực trạng hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hóa tại công ty TNHH EDD.

Công ty TNHH EDD kinh doanh xuất nhập khẩu mặt hàng chính là hàng gia dụng và chất cách điện.

Tuy nhiên trong đề tài này em chỉ xin đi sâu nghiên cứu lưu chuyển mặt hàng đồ gia dụng, mặt hàng có tính cạnh tranh cao tại Việt Nam hiện nay.

Mặt hàng đồ gia dụng công ty chủ yếu nhập khẩu tại Thái Lan.

Tại công ty EDD có 2 phương thức thanh toán chủ yếu là: Phương thức thanh toán trực tiếp ứng trước % cho nhà xuất khẩu ít nhất 50% (T/T IN Advance) với điều kiện giao hàng là giá FOB, chuyển số tiền còn lại sau khi giao hàng hoặc sau khi giao bộ chứng từ nhập khẩu. Phương thức tín dụng chứng từ (L/C - Letter of Credit).

Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ nhập khẩu hàng hoá.

Chứng từ kế toán là một minh chứng bằng giấy tờ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và đã thực sự hoàn thành. Thông qua việc lập chứng từ mà kế toán kiểm tra được tính chất hợp lý, hợp lệ của các nghiệp vụ kinh tế. Chứng từ kế toán là căn cứ pháp lý cho mọi số liệu ghi chép, phản ánh trong sổ sách kế toán và mọi số liệu thông tin kinh tế trong doanh nghiệp. Chứng từ kế toán là căn cứ để kiểm tra việc chấp hành chính sách, quy định tài chính và là căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất của những người có liên quan. Đồng thời, chứng từ kế toán là bằng chứng để giải quyết mọi sự tranh chấp, khiếu nại, khiếu tố xảy ra giữa các bên.

Trong hoạt động nhập khẩu của công ty, bộ chứng từ làm căn cứ để nhận hàng, thanh toán và ghi sổ là:

- *Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice)*: là chứng từ cơ bản của khâu thanh toán, là yêu cầu của người bán đòi người mua phải trả số tiền hàng ghi trên hoá đơn. Hoá đơn thương mại là cơ sở cho việc theo dõi, thực hiện các hợp đồng và khai báo hải quan, điều kiện cơ sở giao hàng, phương thức thanh toán và phương thức chuyên chở hàng. Hoá đơn thương mại được lập thành nhiều bản và dùng vào nhiều việc khác nhau: xuất trình cho ngân hàng để đòi tiền hàng, xuất trình cho công ty bảo hiểm để tính phí bảo hiểm, cho cơ quan quản lý ngoại hối để xin cấp ngoại tệ, cho hải quan để tính thuế.

- *Vận đơn đường biển (Bill of Lading)*: là một chứng từ chuyên chở bằng đường biển do người chuyên chở hoặc người đại diện của họ cấp cho người gửi hàng sau khi đã xếp hàng lên tàu hoặc sau khi đã nhận hàng để xếp. Vận đơn đường biển có ý nghĩa rất quan trọng trong buôn bán quốc tế, nó là chứng từ giao nhận hàng hoá, chứng minh việc thực hiện hợp đồng mua bán, là chứng từ không thể thiếu trong thanh toán, bảo hiểm, khiếu nại...

- *Vận đơn đường không (Air waybill or Aircraft Bill of Lading)*: là chứng từ do cơ quan vận tải hàng không cấp cho người gửi hàng để xác nhận việc đã nhận hàng để chở. Vận đơn đường hàng không cũng có ý nghĩa rất quan trọng, nó là chứng từ giao nhận hàng hoá, là chứng từ dùng cho thanh toán, bảo hiểm, khiếu nại...

- *Giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate)*: là chứng từ do bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm và được dùng để điều tiết quan hệ giữa tổ chức bảo hiểm và người được bảo hiểm. Trong mối quan hệ này, tổ chức bảo hiểm nhận bồi thường cho những tổn thất xảy ra vì những rủi ro mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, còn người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm.

- *Giấy chứng nhận phẩm cấp (Certificate of Quality)*: là chứng từ xác nhận chất lượng của hàng thực giao và chứng minh phẩm chất phù hợp với các điều khoản của hợp đồng. Giấy chứng nhận phẩm chất có thể do người cung cấp hàng cũng có thể do cơ quan kiểm nghiệm cấp, tùy thuộc vào thoả thuận giữa hai bên mua bán.

- *Giấy chứng nhận số lượng, trọng lượng (Certificate of Quantity, Weight)*: là chứng từ xác định số lượng, trọng lượng của hàng hoá thực giao. Giấy chứng nhận này cũng có thể do người cung cấp hoặc tổ chức kiểm nghiệm hàng xuất nhập khẩu, tùy theo sự thoả thuận trong hợp đồng.

- *Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of origin)*: là chứng từ do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền (thường là Phòng thương mại) cấp để xác nhận nơi sản xuất hoặc khai thác hàng hoá.

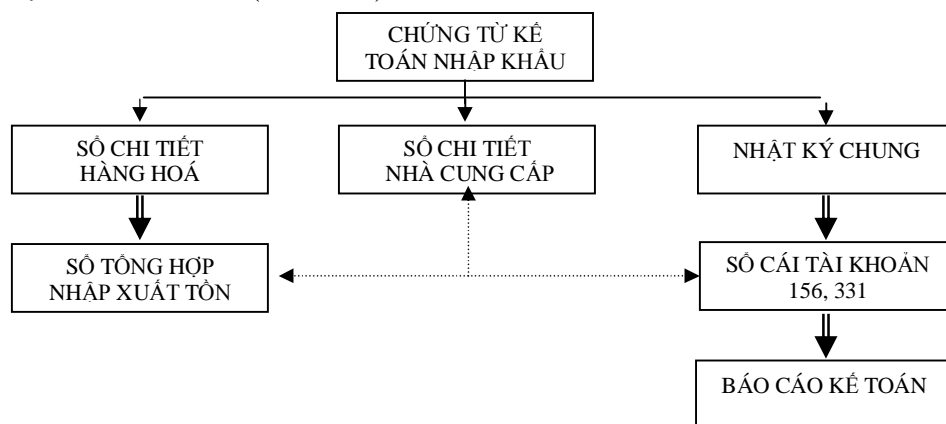
- *Giấy chứng nhận vệ sinh (Saniry Certificate)*: là chứng từ do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra về phẩm chất hàng hoá hoặc về y tế cấp cho chủ hàng xác nhận hàng hoá đã được kiểm tra và không vi trùng gây bệnh cho người sử dụng.

- *Phiếu đóng gói (Packing List)*: là bảng kê khai tất cả hàng hoá trong một kiện hàng (hoàn, hộp, container)... Phiếu đóng gói được lập khi đóng gói hàng hoá tạo điều kiện cho việc kiểm tra hàng hoá trong mỗi kiện.

Ngoài ra còn có các chứng từ khác như: Phiếu nhập kho, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, bảng kê tính thuế, các chứng từ vận chuyển, bốc dỡ hàng hoá khác, giấy đề nghị tạm ứng cho cán bộ nghiệp vụ, giao hàng, giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu thu, phiếu chi, tờ khai hải quan, bảng kê chi tiết hàng nhập. Mẫu chứng từ nêu tại phụ lục 2.2

* *Tài khoản sử dụng*: hạch toán nhập khẩu thuộc hệ thống tài khoản nêu tại phụ lục 2.1.

Quy trình kế toán nhập khẩu trên phần mềm kế toán fast accounting được thể hiện theo sơ đồ sau:(sơ đồ 2.6)



SƠ ĐỒ 2.6: QUY TRÌNH KẾ TOÁN NHẬP KHẨU TRONG PHẦN MỀM FAST ACCOUNTING.

L luận văn sử dụng bộ chứng từ nhập khẩu ngày 11/12/2006 để hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá tại công ty TNHH EDD minh hoạ theo sơ đồ 2.6.

Ngày 11/12/2006 Công ty TNHH EDD ký hợp đồng với công ty N.Y.C INDUSTRY CO., LTD tại Thái Lan một lô hàng gia dụng theo hợp đồng số 7967. Giá trị hàng theo hợp đồng là 2104USD, điều kiện giao hàng theo giá Fob, phương thức thanh toán là T/T In Advance trả tiền sau khi hàng đến cảng Hải Phòng và nhân viên ngoại thương đã nhận được bộ chứng từ, tỷ giá tính thuế là 15,750. Cảng địa điểm bốc xếp hàng là BangKok Thailand; Cảng, địa điểm dỡ hàng là HaiPhong

Port. Trả tiền hàng bằng chuyển khoản sau khi giao hàng.(Thuế nhập khẩu 5%: 14.048.766)

Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu hàng hoá tại công ty

- Ngày 12/12/2006 khi hàng về đến kho, cán bộ ngoại thương giao Bộ chứng từ hải quan và Packing list cho thủ kho. Sau đó Thủ kho tiến hành kiểm nhận hàng hoá thực tế nhập kho so với chứng từ nhập khẩu.

- Sau khi Thủ kho đã kiểm tra và nhận đủ số lượng hàng so với bộ chứng từ nhập khẩu, Thủ kho làm phiếu nhập kho kèm theo bộ chứng từ nhập khẩu gửi lên bộ phận kế toán.

- Kế toán căn cứ vào bộ chứng từ do Thủ kho gửi lên, kế toán nhập dữ liệu vào máy quy trình nêu tại sơ đồ 2.6 sau đó máy tự động ghi vào sổ chi tiết hàng hoá 156 được minh hoạ mẫu tại bảng số 2.1.

B ẢNG SỐ 2.1: SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Công ty TNHH EDD

Địa chỉ : P12 B2 TT Kim Liên - Đống Đa – Hà Nội

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

KHO : CÔNG TY

TÊN SẢN PHẨM : ẨM SIÊU TỐC NE – E909 ; ĐVT : CHIẾC – TK 156

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Tồn đầu kỳ : 0

CHỨNG TỪ		NHÀ C.CẤP	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT	
NT	SH					SL	Giá trị	SL	Giá trị
12/12/06	4/1 2	ELec.	Nhập kho hàng hoá NK TK 845	331	63.156	12	757.872		
			Thuế nhập khẩu	3333	26.709	12	320.504		
			Cộng			12	1.078.376		

Tồn đầu kỳ : 12 chiếc – 1.078.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào dòng cộng của các sổ chi tiết, máy tự động nhập số liệu vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn (phụ lục 2.4). Nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu còn liên quan đến thanh toán công nợ với nhà cung cấp. Cùng với việc dữ liệu tự động đi vào sổ chi tiết hàng hoá, máy cũng tự động đưa số liệu vào sổ chi tiết công nợ như bảng 2.3. Do nhà cung cấp (người bán) của công ty không nhiều do vậy công ty đã không lập bảng tổng hợp công nợ phải trả.

Theo sơ đồ 2.6 sau khi nhập dữ liệu vào máy thì máy tự động cập nhập vào sổ Nhật ký chung theo phụ lục 2.3; cũng từ đó ghi vào sổ cái tài khoản 156 (bảng số 2.2); sổ cái tài khoản 331 (bảng số 2.4) và sổ cái các tài khoản có liên quan khác.

Mọi thương vụ nhập khẩu được thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán bằng tín dụng(L/C) với người bán. Tỷ giá ngoại tệ được tính theo tỷ giá thực tế phát sinh, phần chênh lệch sẽ đưa trực tiếp vào tài khoản 635 - chi phí hoạt động tài chính, hoặc 515 - doanh thu hoạt động tài chính. Tại công ty kế toán không theo có tài khoản theo dõi riêng ngoại tệ. Mọi phát sinh đều quy đổi ra VNĐ trước khi ghi sổ kế toán.

Công ty TNHH EDD
P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

**BẢNG SỐ 2.2: SỔ CÁI TÀI
KHOẢN 156**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
TK 156 - Hàng hoá
Từ ngày 01/12/2006 đến ngày
31/12/2006

Dư đầu 1,096,796,869

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
2/12/2006	PN 1/12	SEAGUL	Nhập kho hàng hoá TKHQ 3328	331	97,517,328	
4/12/2006	PN 2/12	CT TNHH THÀNH ĐÔ	Nhập kho hàng hoá theo HĐ 84414	331	1,472,816	
5/12/2006	PX1/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 88591	632		2,544,985
5/12/2006	PX2/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88592	632		1,125,449
5/12/2006	PX3/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88593	632		6,051,745
5/12/2006	PX4/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88594	632		2,517,077
5/12/2006	PX5/12	CT TNHH THÀNH ĐÔ	Xuất bán hàng hoá HĐ 88595	632		4,402,385
5/12/2006	PX6/12	CT DÂY & CÁP TRƯỜNG THÀNH	Xuất bán hàng hoá HĐ 88598	632		211,638,992
6/12/2006	PX7/12	CTY CÁP VINADAESUNG	Xuất bán hàng hoá HĐ 88563	632		644,983,740
8/12/2006	PX8/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65652	632		767,017
8/12/2006	PN 3/12	ACCTEK	Nhập kho hàng hoá nhập khẩu TKHQ 6610	331	98,784,022	

12/12/2006	PN 4/12	N.Y.C INDUSTRY	Nhập kho hàng hoá nhập khẩu TKHQ 845	331	33,220,056	
	PC	CÔNG TY TNHH EDD	Thuế Nhập khẩu phải nộp	3333	14,048,766	
20/12/2006	PN 5/12	NYC	Nhập kho hàng hoá nhập khẩu TKHQ 7051	331	58,565,446	
20/12/2006	PX 9/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65654	632		921,294
22/12/2006	PX 10/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65658	632		215,447
27/12/2006	PX 11/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 65667	632		2,185,729
		...				
Tổng phát sinh trong kỳ					10,984,382,433	9,802,243,899
Dư cuối					2,278,935,402	

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006
Người lập biểu
(ký, họ tên)

BẢNG SỐ 2.3: SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Công ty TNHH EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ

TK 331 - Phải trả người bán

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày

31/12/2006

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
N.Y.C INDUSTRY. CO.LTD(CS020)					
2/12/2006	PKT 9	Nhập hàng đồ gia dụng	156		33,220,056
12/12/2006	UNC 40	Chuyển tiền thanh toán hàng nhập khẩu	112	33,220,056	

Tổng

PS 33,220,056 33,220,056

Số dư cuối kỳ:

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Công ty TNHH
EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG SỐ 2.4: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 331

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 331 - phải trả người bán

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Dư đầu

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
2/12/2006	PN 1/12	SEAGUL	Nhập khẩu hàng hoá TK 3328	156		97,517,328
4/12/2006	PN 2/12	CT TNHH THÀNH ĐÔ	Nhập kho hàng hoá theo HĐ 84414	156		1,472,816
8/12/2006	PN 3/12	ACCTEK	Nhập khẩu hàng hoá TKHQ 6610	156		98,784,022
12/12/2006	PN 4/12	N.Y.C INDUSTRY	Nhập khẩu hàng hoá TKHQ 845	156		33,220,056
13/12/2006	UNC 40	N.Y.C INDUSTRY	Thanh toán tiền hàng nhập TKHQ 845	112	33,220,056	
20/12/2006	PN 5/12	NYC	Nhập khẩu hàng hoá TKHQ 7051	156		58,565,446
22/12/2006	PN 6/12	USHA	Nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất TK 10754	152		199,264,043
27/12/2006	UNC 41	USHA	Thanh toán tiền nguyên vật liệu nhập TKHQ 10754	112	199,264,043	

Tổng phát sinh trong kỳ

246,532,865 502,872,477

Dư cuối

256,339,612

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Tất cả các chi phí liên quan đến thu mua hàng hoá nhập khẩu của hợp đồng này đều được hạch toán vào tài khoản 642.

Căn cứ vào hoá đơn kế toán nhập dữ liệu vào máy, từ đó đi vào sổ Nhật ký chung theo bảng số phụ lục 2.3 và vào sổ cái các tài khoản 642 như bảng số 2.5 và các sổ cái có liên quan

BẢNG SỐ 2.5: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

Công ty TNHH EDD
P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 642 - Chi phí QLDN

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Dư
đầu:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
2/12/2006	PC1/12	CT TNHH EDD	Thanh toán tiền cước điện thoại- HĐ813794	111	186,744	
4/12/2006	PC5/12	CT TNHH EDD	Thanh toán tiền phí D/O, phí CSF-HĐ83949	111	161,000	
9/12/2006	PC6/12	CT TNHH EDD	Thanh toán tiền lệ phí hải quan - HĐ44951	111	27,000	
9/12/2006	PC7/12	CT TNHH EDD	TT cước vận chuyển quốc tế - HĐ50014	111	4,590,909	
9/12/2006	PC7/12	CT TNHH EDD	TT phí xếp con't - HĐ 50015	111	268,345	
9/12/2006	PC7/12	CT TNHH EDD	TT phí khai thác hàng - HĐ 50016	111	532,400	
9/12/2006	PC7/12	CT TNHH EDD	TT phí kiểm tra NN về đồ điện - HĐ36860	111	300,000	
9/12/2006	PC7/12	CT TNHH EDD	TT phí bảo hiểm hàng nhập - HĐ 135267	111	157,000	
12/12/2006	PC8/12	CT TNHH EDD	TT tiền cước vận chuyển hàng- HD35780	111	7,142,857	
13/12/2006	PC9/12	CT TNHH EDD	TT tiền cước vận chuyển hàng- HD29118	111	7,142,857	
14/12/2006	PC10/12	CT TNHH EDD	TT tiền cước nâng hạ - HD 52061	111	2,952,381	
15/12/2006	PC11/12	CT TNHH EDD	TT tiền mua hoá đơn - HĐ 37179	111	15,200	

19/12/2006	PC16/12	CT TNHH EDD	TT tiền mua mực máy in - HĐ 91190	111	210,000		
23/12/2006	PC 20/12	CT TNHH EDD	TT tiền mua nước uống VP - HĐ 96508	111	126,000		
31/12/2006	PC28/12	CT TNHH EDD	TT tiền lương công nhân viên T12/2006	334	17,378,000		
						
			Kết chuyển chi phí QLDN 642-911	911		114,047,484	
Tổng phát sinh trong kỳ						114,047,484	114,047,484

Dư cuối

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu
(ký, họ tên)

2.2.2. Thực trạng hạch toán kế toán bán hàng nhập khẩu tại công ty TNHH EDD

2.2.2.1. Giá vốn và thực trạng hạch toán giá vốn hàng nhập khẩu

Các phương thức bán hàng nhập khẩu tại công ty

Công ty chủ yếu bán hàng theo phương thức giao hàng qua kho trực tiếp tại công ty. Hiện nay Công ty TNHH EDD áp dụng các hình thức thanh toán chủ yếu:

- Hình thức bán hàng thu tiền ngay: Theo hình thức này thì hàng hoá được tiêu thụ đến đâu tiền thu ngay đến đó như tiền mặt, séc, ngân phiếu...
- Hình thức bán hàng ký gửi: Theo hình thức này Công ty mang hàng tới gửi bán tại một số siêu thị tại thành phố Hà Nội, gửi theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên sau khi bán được hàng sẽ thanh toán tiền.
- Giá vốn hàng hoá xuất kho tính theo phương pháp bình quân tháng.

Chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ bán hàng nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Tại công ty TNHH EDD hàng hoá gia dụng được xuất chủ yếu cho các siêu thị tại Hà Nội, công ty TNHH Thịnh Thái, Thành Đô là bạn hàng thân thiết của công ty.

Thủ tục xuất bán tuân theo đúng quy định của nhà nước.

*Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

*Quy trình luân chuyển chứng từ:

Phòng kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua bán, xác nhận đơn hàng của đơn vị cần mua. Phòng kinh doanh duyệt giá bán cho đơn vị, trình giám đốc công ty duyệt. Khi có sự phê duyệt của giám đốc, kế toán sẽ viết phiếu xuất kho chuyển cho nhân viên phòng kinh doanh, thủ kho xuất kho cho nhân viên kinh doanh có trách nhiệm giao hàng cho khách hàng. Phiếu xuất kho được lập 3 liên:

Liên 1: Lưu tại công ty

- Liên 2: Giao cho phòng kinh doanh để giao hàng cho khách và chuyển về phòng kế toán để viết hoá đơn GTGT.

- Liên 3: Chuyển tới thủ kho để làm chứng từ xuất hàng.

Sau khi kế toán bán hàng nhận được phiếu xuất kho thì căn cứ lập Hoá đơn GTGT và cũng lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần)

- Liên 1: Lưu tại gốc

- Liên 2: Giao cho khách

- Liên 3: Giao cho kế toán theo dõi

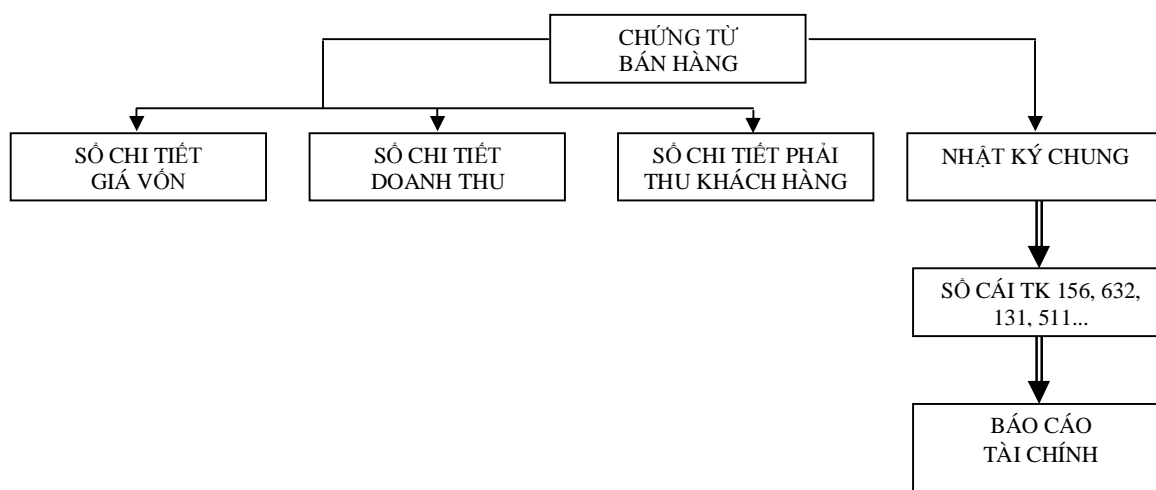
Giá xuất kho tính theo giá bình quân tháng cho từng mặt hàng .

Căn cứ vào phiếu xuất kho và hoá đơn giá trị gia tăng kế toán ghi nhận giá vốn:

Để minh hoạ em xin lấy một hợp đồng bán hàng tại công ty như sau:

Ngày 27/12/2006 Công ty TNHH EDD có hợp đồng với công ty TM&DV Thịnh Thái bán 1 lô hàng nhập khẩu với giá là : 2.822.000 (Chưa tính thuế GTGT). Kế toán lập phiếu xuất kho(lập thành 3 liên đặt giấy than viết 1 lần). Mẫu phiếu xuất kho như bảng số 2.6.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và hoá đơn kế toán nhập số liệu vào máy theo sơ đồ 2.7 sau:



SƠ ĐỒ 2.7: : QUY TRÌNH KẾ TOÁN BÁN HÀNG TRONG PHẦN MỀM FAST ACCOUNTING.

BẢNG SỐ2.6: PHIẾU XUẤT KHO

Công ty TNHH EDD
P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO

Số chứng từ:

Ngày 27 tháng 12 năm 2006

Họ&tên người nhận hàng: Chị Tuyết

Đơn vị: K – Công ty TNHH EDD

Địa chỉ: P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

Lý do xuất kho: Xuất bán

Mã kho: Kho công ty

STT	TÊN HÀNG HOÁ	TK HH	MÃ HH	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Dao phay Pacific(100-394-3-07)	156	SEG027	Chiếc	1.00	21,544	21,544
2	Dao gọt vỏ Pacific 5" S-394-0-15	156	SEG025	Chiếc	3.00	11,925	35,775
3	Ấm đun có còi báo 1.5L312-0-25	156	SEG043	Chiếc	1.00	111,636	111,636
4	Ấm đun có còi báo 2.5L312-0-25	156	SEG044	Chiếc	1.00	122,443	122,443
5	Ấm đun có còi báo 3.5L312-0-25	156	SEG046	Chiếc	3.00	141,194	423,582
6	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 18cm - 366	156	SEG014	Chiếc	1.00	192,724	192,724
7	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 20cm - 365	156	SEG012	Chiếc	1.00	184,000	184,000
8	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 22cm - 365	156	SEG013	Chiếc	1.00	226,885	226,885
9	Dao Pacific(100-394-1-07)	156	SEG024	Chiếc	3.00	16,216	48,648
10	Dao nhà bếp Pacific(100-394-2- 07)	156	SEG026	Chiếc	1.00	21,168	21,168
11	Bàn xăng cán dài 304-1-08	156	SEG060	Chiếc	1.00	24,952	24,952
12	Nồi cơm điện 1.8L	156	SEG059	Chiếc	3.00	257,456	772,368
Cộng					20		2.185.729

Xuất ngày 27 tháng 12 năm 2006

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu một trăm tám năm nghìn bảy trăm hai chín đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc

Kế toán trưởng	Thủ trưởng ĐV	Người nhận	Thủ kho
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán sẽ lập hoá đơn giá trị gia tăng thành 3 liên. Mẫu hoá đơn theo bảng số 2.9. Đồng thời kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho và hoá đơn bán hàng, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy theo sơ đồ 2.7. Từ đó máy tự động cập nhập vào sổ chi tiết hàng hoá theo mẫu bảng số 2.1; sổ chi tiết giá vốn theo bảng số 2.7 và vào sổ Nhật ký chung theo phụ lục 2.3 và từ đó đi vào sổ cái tài khoản 156 theo bảng số 2.2; sổ cái tài khoản 632 theo bảng số 2.8.

BẢNG SỐ 2.7: SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

**Công ty TNHH EDD
P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa,
HN**

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
TK 632 - giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/12/2006 đến ngày
31/12/2006**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			PS Nợ	PS Có
5/12/2006	PX1/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88591	156	2,544,985	
5/12/2006	PX2/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88592	156	1,125,449	
5/12/2006	PX3/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88593	156	6,051,745	
5/12/2006	PX4/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88594	156	2,517,077	
5/12/2006	PX5/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88595	156	4,402,385	
5/12/2006	PX6/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88598	156	211,638,992	
6/12/2006	PX7/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 88600	156	47,585,591	
8/12/2006	PX8/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65652	156	767,017	
20/12/2006	PX 9/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65654	156	921,294	

22/12/2006	PX 10/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65658	156	215,447	
27/12/2006	PX 11/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65667	156	2,185,729	
27/12/2006	PX12/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65669	156	2,459,620	
28/12/2006	PX13/12	Xuất bán hàng hoá HĐ 65670	156	1,148,822	
		Kết chuyển giá vốn hàng bán 632-911	911		1,688,835,432
		Tổng phát sinh trong kỳ		1,688,835,432	1,688,835,432

Dư
cuối

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày....tháng.....năm 2006
Người lập biểu
(ký, họ tên)

BẢNG SỐ2.8: SỔ CÁI TÀI**KHOẢN 632**

Công ty TNHH EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Dư

đầu

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
5/12/2006	PX1/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 88591	156	2,544,985	
5/12/2006	PX2/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88592	156	1,125,449	
5/12/2006	PX3/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88593	156	6,051,745	
5/12/2006	PX4/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 88594	156	2,517,077	
5/12/2006	PX5/12	CT TNHH THÀNH ĐỒ	Xuất bán hàng hoá HĐ 88595	156	4,402,385	
5/12/2006	PX6/12	CT DÂY& CÁP TRƯỜNG THÀNH	Xuất bán hàng hoá HĐ 88598	156	211,638,992	

6/12/2006	PX7/12	CTY CẤP VINADAESUNG	Xuất bán hàng hoá HĐ 88600	156	47,585,591	
8/12/2006	PX8/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65652	156	767,017	
20/12/2006	PX 9/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65654	156	921,294	
22/12/2006	PX 10/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65658	156	215,447	
27/12/2006	PX 11/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Xuất bán hàng hoá HĐ 65667	156	2,185,729	
27/12/2006	PX12/12	CT TNHH THÀNH ĐỒ	Xuất bán hàng hoá HĐ 65669	156	2,459,620	
28/12/2006	PX13/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Xuất bán hàng hoá HĐ 65670	156	1,148,822	
		...				
Kết chuyển giá vốn hàng bán 632-911				911		1,688,835,432
					1,688,835,4	
Tổng phát sinh trong kỳ					32	1,688,835,432

Dư cuối

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu
(ký, họ tên)

2.2.2.2. Doanh thu bán hàng nhập khẩu và thực trạng hạch toán kế toán doanh thu bán hàng nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Doanh thu bán hàng nhập khẩu trong điều kiện thuế GTGT áp dụng tại công ty là phương pháp khấu trừ được xác định theo giá bán chưa có thuế GTGT. Hàng nhập khẩu tại công ty TNHH EDD được tiêu thụ nội địa, nên doanh thu được tính theo đơn vị tiền tệ VNĐ.

Phiếu xuất kho và hoá đơn bán hàng cũng là căn cứ để kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng hoá.

Căn cứ vào phiếu xuất kho bảng 2.6, hoá đơn giá trị gia tăng được lập để ghi sổ (bảng 2.9) kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán máy theo sơ đồ 2.7. Dữ liệu từ trước được máy tự động ghi chi tiết doanh thu theo bảng số 2.10 và vào Nhật ký chung theo phụ lục 2.3 .

Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu, kế toán máy thực hiện công việc ghi sổ chi tiết phải thu khách hàng theo bảng số 2.12.

Từ Nhật ký chung máy cập nhập số liệu vào sổ cái tài khoản 511(bảng số 2.11) và sổ cái tài khoản 131(bảng số 2.13).

Mẫu hoá đơn GTGT tại công ty như sau:

BẢNG SỐ 2.9: HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT-3LL
MK/2006
B
0 0 6 5 6 6 7

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 27 tháng 12 năm 2006

Đơn vị bán:

Địa chỉ: P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

Số tài khoản

Điện thoại

MST 0 1 0 1 0 1 3 2 6 3

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thành Đô

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số tài khoản

Hình thức thanh toán: TM

MST

STT	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	1	2	3=1 X 2
1	Dao phay Pacific(100-394-3-07)	Chiếc	1.00	53,355	53,355
2	Dao gọt vỏ Pacific 5" S-394-0-15	Chiếc	3.00	43,739	131,217
3	Ấm đun có còi báo 1.5L312-0-25	Chiếc	1.00	143,450	143,450
4	Ấm đun có còi báo 2.5L312-0-25	Chiếc	1.00	154,255	154,255
5	Ấm đun có còi báo 3.5L312-0-25	Chiếc	3.00	173,008	519,024
6	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 18cm - 366	Chiếc	1.00	224,538	224,538
7	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 20cm - 365	Chiếc	1.00	215,814	215,814
8	Nồi canh Andaman Extra 3 đáy 22cm - 365	Chiếc	1.00	258,699	258,699
9	Dao Pacific(100-394-1-07)	Chiếc	3.00	48,030	144,090
10	Dao nhà bếp Pacific(100-394-2-07)	Chiếc	1.00	52,982	52,982
11	Bàn xẻng cán dài 304-1-08	Chiếc	1.00	56,766	56,766
12	Nồi cơm điện 1.8L	Chiếc	3.00	289,270	867,810
Cộng tiền hàng					2,822,000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					282,200
Tổng cộng tiền thanh toán					3,104,200
Số tiền viết bằng chữ: hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng					

NGƯỜI MUA HÀNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ

họ tên)

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn

Sau khi ghi nhận giá vốn hàng bán, máy tính tự động kết chuyển giá vốn hàng bán sang tài khoản 911 để xác định kết quả bán hàng.

BẢNG SỐ 2.10: SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**

TK 511 - Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Dư đầu:

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
5/12/2 006	PX1 /12	Doanh thu bán hàng - HĐ 88591	131		324,126
5/12/2 006	PX2 /12	Doanh thu bán hàng - HĐ 88592	131		1,821,720
5/12/2 006	PX3 /12	Doanh thu bán hàng - HĐ 88593	131		6,748,016
5/12/2 006	PX4 /12	Doanh thu bán hàng - HĐ 88594	131		3,213,348
6/12/2 006	PX	Doanh thu bán hàng - HĐ 88563	131		644,983,740
10/12/ 2006	PT 7/12	Thu tiền bán hàng - HĐ55871	111		1,925,000
13/12/ 2006	PT1 0/12	Thu tiền bán hàng - HĐ55872	111		1,050,000
16/12/ 2006	PT1 1/12	Thu tiền bán hàng - HĐ55874	111		5,058,000
17/12/ 2006	PT1 5/12	Thu tiền bán hàng - HĐ55876	111		3,759,000
25/12/ 2006		DT xuất khẩu uỷ thác cây cảnh - HĐ65665	131		254,386,224

27/12/ 2006		Doanh thu bán hàng - HĐ 65667	131		2,822,000
		Kết chuyển doanh thu bán hàng 511-911	911	2,179,835,526	
Tổng phát sinh trong kỳ				2,179,835,526	2,179,835,526

Dư cuối

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

BẢNG SỐ 2.11: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511

Công ty TNHH EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK 511 - Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày

31/12/2006

Dư đầu:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
5/12/2006	PX1/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Doanh thu bán hàng - HĐ 88591	131		324,126
5/12/2006	PX2/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88592	131		1,821,720
5/12/2006	PX3/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88593	131		6,748,016
5/12/2006	PX4/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88594	131		3,213,348
6/12/2006	PX	CT CÁP VINADAESUNG	Doanh thu bán hàng - HĐ 88563	131		644,983,740
10/12/2006	PT 7/12	CÔNG TY TNHH THÀNH ĐÔ	Thu tiền bán hàng - HĐ55871	111		1,925,000
13/12/2006	PT10/12	CÔNG TY TNHH THÀNH ĐÔ	Thu tiền bán hàng - HĐ55872	111		1,050,000
16/12/2006	PT11/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Thu tiền bán hàng - HĐ55874	111		5,058,000

17/12/2006	PT15/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Thu tiền bán hàng - HĐ55876	111		3,759,000
25/12/2006		PUREUN TRADING.CO	DT xuất khẩu uỷ thác cây cảnh - HĐ65665	131		254,386,224
27/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 65667	131		2,822,000
					
			Kết chuyển doanh thu bán hàng 511-911	911	2,179,835,526	
						2,179,835,52
Tổng phát sinh trong kỳ					2,179,835,526	6

Du cuối

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006
Người lập biểu
(ký, họ tên)

BẢNG SỐ 2.12: SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Công ty TNHH EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

TK 131 - Phải thu khách hàng

Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
Công ty Thương mại dịch vụ Thịnh Thái					
			Dư đầu	3,513,800	
5/12/2006	PX2/12	Doanh thu bán hàng hoá - HĐ 88592	511	1,821,720	
5/12/2006	HĐ83041	Thuế GTGT bán hàng hoá- HD 88592	3331	182,172	
5/12/2006	PX3/12	Doanh thu bán hàng hoá - HĐ 88593	511	6,748,016	
5/12/2006	HĐ83042	Thuế GTGT bán hàng hoá- HD 88593	3331	674,801	
5/12/2006	PX4/12	Doanh thu bán hàng hoá - HĐ 88594	511	3,213,348	
5/12/2006	HĐ83043	Thuế GTGT bán hàng hoá- HD 88594	3331	321,335	
27/12/2006	PX11/12	Doanh thu bán hàng hoá - HĐ 65667	511	2,822,000	
27/12/2006	HĐ65667	Thuế GTGT bán hàng hoá- HD 65667	3331	282,200	

Tổng ps 16,065,592

Dư cuối: 19,579,392

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu

(ký, họ tên)

BẢNG 2.13: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 131

Công ty TNHH EDD
P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
TK 131 - Phải thu của khách hàng
Từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2006

Dư đầu: 4,008,133,28
4

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				PS Nợ	PS Có
1/12/2006	PT1	PUREUN TRADING.CO	Khách hàng trả tiền mua hàng	112		252,913,508
5/12/2006	UNC	CT CÁP&VL VIỄN THÔNG	Khách hàng trả tiền mua hàng	112		913,007,677
5/12/2006	PX1/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Thuế GTGT bán hàng hoá - HĐ 88591	3331	3,241,256	
5/12/2006	PX1/12	CÔNG TY CP NHẤT NAM	Doanh thu bán hàng - HĐ 88591	511	324,126	
5/12/2006	PX2/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88592	511	1,821,720	
5/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Thuế GTGT bán hàng hoá - HĐ 88592	3331	182,172	
5/12/2006	PX3/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88593	511	6,748,016	
5/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Thuế GTGT bán hàng hoá - HĐ 88593	3331	674,801	
5/12/2006	PX4/12	CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 88594	511	3,213,348	
5/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Thuế GTGT bán hàng hoá - HĐ 88594	3331	321,335	
14/12/2006		CT CÁP VINADAESUNG	Khách hàng trả tiền mua hàng	112		709,482,114
21/12/2006		CT TNHH Hanh Thông	Khách hàng trả tiền mua hàng	112		1,050,638,436
25/12/2006		Pureun trading.co	DT xuất khẩu uỷ thác cây cảnh - HĐ65665	511	254,386,224	
27/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Doanh thu bán hàng - HĐ 65667	511	2,822,000	

27/12/2006		CT DV TM THỊNH THÁI	Thuế GTGT bán hàng hoá - HĐ 65667	3331	282,200	
					
					2,274,374,20	
Tổng phát sinh trong kỳ					9	4,972,673,170

1,309,834,32

Dư cuối

3

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày..... tháng.....năm 2006

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Từ sổ cái tài khoản 511 máy tự động kết chuyển doanh thu vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TẠI CÔNG TY TNHH EDD

3.1. Đánh giá thực trạng hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

3.1.1. Ưu điểm

Công tác kế toán được tổ chức tại công ty cơ bản đáp ứng được yêu cầu của quản lý kinh doanh nói chung, lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng.

Thứ nhất, trong điều kiện của cơ chế quản lý mới, tương ứng với mô hình quản lý và đặc điểm của lĩnh vực hoạt động kinh doanh, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn và hoàn chỉnh, có kế hoạch sắp xếp và chỉ đạo từ trên xuống. Xuất phát từ đặc điểm là kinh doanh xuất nhập khẩu hàng gia dụng, hàng gia đình, Công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là phù hợp. Việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán tài chính của Công ty, còn các đơn vị cơ sở như cửa hàng bán hàng và giới thiệu sản phẩm thực hiện hạch toán báo sổ theo dõi và quy định của kế toán trưởng. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra và giám sát tình hình tài chính trong việc ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của ban Giám đốc công ty mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phân hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của nhân viên kế toán.

Thứ hai, các phân hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng kế toán viên trong phòng, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phân hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo cho việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng và phát hiện những sai sót để sửa chữa kịp thời, đảm bảo cung cấp những trung thực những thông tin giúp giám đốc, đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Thứ ba, về chứng từ và luân chuyển chứng từ. Công ty sử dụng và chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chứng từ theo quy định của Bộ Tài Chính. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh trên các hoá đơn, chứng từ phù hợp về cả số lượng, nguyên tắc ghi chép cũng như yêu cầu của công tác quản lý chứng từ. Chứng từ là những cơ sở ban đầu để thực hiện công việc hạch toán, do đó các chứng từ đều được đánh số thứ tự thời gian và được kiểm tra thường xuyên về nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm tra chứng từ gốc kèm theo, kiểm tra về các con số, các chữ ký, kiểm tra các định khoản... Việc kiểm tra này giúp cho việc tổng hợp, phân loại thông tin kinh tế để ghi sổ tổng hợp và chi tiết. Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra chứng từ thường xuyên, kế toán không ngừng hợp lý hoá các thủ tục lập và sử lý chứng từ như: giảm các thủ tục xét duyệt, ký chứng từ đến mức tối đa, đồng thời thực hiện chương trình luân chuyển chứng từ theo đúng quy định và phù hợp với yêu cầu của nghiệp vụ kinh doanh. Khi áp dụng luật thuế GTGT, công tác quản lý chứng từ thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào được chia làm hai mảng rõ ràng thuận tiện cho việc kê khai thuế GTGT và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Thứ tư, Công ty áp dụng hình thức Nhật Ký Chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty sử dụng máy vi tính nên hình thức ghi sổ này rất thuận tiện và đã khắc phục được một số nhược điểm của hình thức ghi sổ này đồng thời tiến độ lập báo cáo và cung cấp chỉ tiêu nhanh, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Thứ năm, hệ thống tài khoản Công ty sử dụng trong hạch toán các nghiệp vụ nhập khẩu được chi tiết tương đối phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Với đặc điểm là doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, nên công tác quản lý ngoại tệ và công nợ của từng khách hàng, từng nhà cung cấp được coi là phần hành kế toán trọng yếu và được coi trọng.

Thứ sáu, Công ty áp dụng phương pháp KKTX để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, chính xác về tình hình biến động của hàng hoá nhập khẩu trên các mặt: tiêu thụ, dự trữ và cung ứng, tạo ra sự quản lý và bảo quản tốt hàng hoá cả về số lượng và giá trị. Trong hạch toán chi tiết hàng tồn kho, kế toán áp dụng phương pháp thẻ song song là rất phù hợp.

Thứ Bảy, công tác quản lý và tổ chức hoạt động nhập khẩu tại Công ty hết sức chặt chẽ. Một hợp đồng nhập khẩu được thực hiện phải được sự phê chuẩn của Giám đốc công ty sau khi đã xem xét phương án kinh doanh và sự tham mưu của các nhân viên phòng kinh doanh, Kế toán trưởng.

Cuối cùng, đội ngũ nhân viên kế toán trong Công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các kỹ thuật nghiệp vụ trong kinh doanh xuất nhập khẩu, các chế độ tài chính và thanh toán, có trình độ ngoại ngữ và sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán. Đặc biệt, các nhân viên kế toán là những người nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

Tuy nhiên để công tác kế toán nói chung, kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng đáp ứng tốt yêu cầu quản lý cần thiết phải khắc phục một số tồn tại, bất cập sau.

3.1.2. Tồn tại chủ yếu và nguyên nhân trong hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu.

- **Tồn tại 1:**, Hiện tại cách theo dõi tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu hàng hoá chưa hợp lý do chưa mở và sử dụng tài khoản 144- "ký quỹ mở L/C" để theo dõi tiền đặt cọc thực hiện thủ tục xin mở L/C, theo dõi thanh toán với người bán.

Công ty không sử dụng tài khoản 144: Ký quỹ, mở L/C, điều này không thực hiện đúng theo quy định của chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- **Tồn tại 2:** Hiện tại công ty chưa phân định trên góc độ kế toán các khoản chi phí của kinh doanh, quản lý doanh nghiệp như: Chi phí mua hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý chung của công ty. Các khoản chi nêu trên hiện được hạch toán chung vào tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán của công ty chưa tuân thủ chế độ kế toán và thông tin cung cấp thiếu rõ ràng, thiếu thích hợp với quá trình quản lý.

- **Tồn tại 3:** Hiện tại công ty chưa sử dụng tài khoản 157-"Hàng gửi bán" để theo dõi hàng gửi bán trong khi công ty sử dụng cả phương thức gửi hàng bán qua siêu thị.

- **Tồn tại 4:** Hiện tại công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá vốn hàng xuất kho trong điều kiện hàng hoá phần lớn lưu chuyển qua kho nếu hạch toán thủ công thì có thể coi là hợp lý, song hiện công ty đã vận dụng phần mềm kế toán máy trong công tác kế toán thì việc duy trì phương pháp tính giá vốn hàng hoá xuất kho nêu trên là chưa thật hợp lý; hạn chế việc cung cấp thông tin bằng giá trị chỉ tiêu nhập, xuất, tồn hàng hoá và xác định lợi nhuận hàng kinh doanh gặp khó khăn, công ty thiếu thông tin hàng ngày, định kỳ ngắn để ra các quyết định.

- **Tồn tại 5:** Thứ nhất, Hiện tại công ty chưa trích lập dự phòng. Trên thực tế công ty đã phát sinh những khoản nợ khó đòi và không đòi được. Thứ hai, do đặc điểm mặt hàng kinh doanh của công ty là những hàng có tính cạnh tranh cao, dễ giảm giá ở cả đầu vào và đầu ra. Thứ ba, hiện tại công ty kinh doanh không bị thua lỗ. Chính vì vậy, việc lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho là cần thiết để ghi nhận các khoản tổn thất có thể phát sinh do hàng tồn kho giảm giá và do phát sinh các khoản phải thu khó đòi.

- **Tồn tại 6:** Về hệ thống sổ kế toán áp dụng: hiện nay sổ kế toán chi tiết áp dụng chưa đầy đủ và kết cấu thiếu hợp lý, cụ thể:

+ Thiết kế sổ chi tiết dòng phát sinh, tổng phát sinh, dư cuối kỳ chưa sắp xếp hợp lý.

+ Sổ chi tiết 331 chưa niêm yết tên nhà cung cấp ở phần thông tin chung.

+ Chưa sử dụng bảng tổng hợp nợ phải trả người bán, người mua làm cơ sở báo cáo công nợ và đối chiếu.

+ Sổ chi tiết công nợ 331, 131 chưa sử dụng đúng mẫu chế độ, để thể hiện phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ.

3.2.Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

Nền kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các đơn vị kinh tế đều có sự cạnh tranh gay gắt để tồn tại. Trong kinh doanh, các doanh nghiệp phải thực hiện nguyên tắc lấy thu bù chi và có lãi. Do đó, để tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, người lãnh

đạo cần phải nắm được đầy đủ các thông tin về hoạt động kinh doanh của mình một cách kịp thời và chính xác. Hạch toán kế toán là nguồn cung cấp thông tin quan trọng cho quản lý.

Trong sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của nước ta và bối cảnh thế giới hiện nay, hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp và mang tính cạnh tranh cao. Các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải đối mặt thường xuyên với sự thay đổi chính sách của Nhà nước, với sự biến động của môi trường kinh doanh quốc tế. Chính vì vậy, muốn đạt được hiệu quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh ở đơn vị mình. Để đạt được mục tiêu đó, công tác kế toán phải không ngừng được hoàn thiện. Hoàn thiện công tác kế toán trước hết là nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới trang thiết bị phục vụ công tác kế toán, hoàn thiện phương pháp kế toán và bộ máy kế toán nhằm đáp ứng tốt nhu cầu thông tin phục vụ cho quản trị doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

Thứ nhất, nắm vững chức năng, nhiệm vụ của hạch toán kế toán nói chung và của kế toán nói riêng. Cùng một lúc nó phải phản ánh, vừa phải giám đốc quá trình kinh doanh nhập khẩu. Vì vậy, cần phải hoàn thiện từ bộ máy kế toán đến công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường luôn có biến động mà khó có thể kiểm soát được.

Thứ hai, việc hoàn thiện phải xuất phát từ đặc điểm của hoạt động nhập khẩu. Là một hoạt động kinh doanh như các hoạt động khác, mục tiêu chiến lược hoạt động kinh doanh nhập khẩu là đạt lợi nhuận cao nhất với chi phí thấp nhất. Như vậy, tăng lợi nhuận và giảm chi phí kinh doanh chính là động lực cho việc hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên chuẩn mực, quy định của pháp luật nói chung và chế độ, chính sách tài chính kế toán nói riêng. Hoạt động nhập khẩu có mô hình kinh doanh, những chính sách qui định riêng và là một hoạt động khá phức tạp do đó tổ chức hạch toán nhập khẩu cũng có những nét khác biệt so với các hoạt

động khác nên không thể tránh khỏi có sai sót khi thực hiện. Hoàn thiện kế toán nghiệp vụ nhập khẩu được hiểu là sửa chữa những sai sót, những yếu tố chưa khoa học trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán cũng như đáp ứng nhu cầu cho quản lý. Hoàn thiện công tác kế toán là quá trình từ nhận thức làm thay đổi thực tế và xuất phát từ thực tế bổ sung thêm cho nhận thức và lý luận. Việc hoàn thiện này phải dựa trên những chuẩn mực nhất định.

Thứ tư, hoàn thiện công tác kế toán phải bảo đảm nguyên tắc kinh doanh là đạt hiệu quả cao. Do đó, hoàn thiện là phải luôn bám sát mục tiêu của hoạt động kinh doanh với các thông tin kế toán phải nhạy bén, thiết thực, thị trường từ đó phục vụ cho công việc kinh doanh nhập khẩu thường xuyên đúng thời điểm và đúng lúc.

Ngoài việc chấp hành những nguyên tắc trên khi hoàn thiện công tác kế toán nhập khẩu, thì bản thân bộ phận kế toán ở Công ty đòi hỏi phải đạt được những điều kiện sau.

Một là, phải có đội ngũ cán bộ, kế toán có trình độ nghiệp vụ, nắm vững các nghiệp vụ ngoại thương tức là am hiểu về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, các chế định tài chính và thanh toán, có khả năng giao dịch và thanh quyết toán các hợp đồng. Muốn tổ chức và tiến hành công tác kế toán tốt thì phải có đội ngũ kế toán viên giỏi, có kinh nghiệm

Nhân viên kế toán phải là những người nhiệt tình trong công việc, hoàn thành tốt công việc được phân công, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu công việc thực hiện. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất quản lý, phòng kế toán phải có hạt nhân vững chắc và giàu kinh nghiệm mà trước hết là Kế toán trưởng.

Hai là, để thực hiện tốt công tác ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ nhập khẩu, kế toán phải thông thạo ngoại ngữ thông dụng giao dịch mà hiện nay là tiếng Anh. Hoạt động nhập khẩu là hoạt động kinh doanh buôn bán với các công ty nước ngoài, trong các văn bản hay trong đàm phán ký kết đều sử dụng bằng tiếng Anh. Vì vậy, chỉ có thông thạo ngoại ngữ, kế toán mới hiểu rõ được nội dung của chứng từ, từ đó phản ánh chính xác và đầy đủ trên sổ sách kế toán, góp phần nâng cao các thông tin kế toán.

Ba là, hoàn thiện công tác kế toán là giảm tính toán các bước trung gian, ghi chép và xử lý số liệu nhằm nâng cao năng suất lao động kế toán, đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin chính xác, kịp thời đầy đủ cho công tác quản lý. Để thực hiện được điều đó đòi hỏi đội ngũ nhân viên kế toán giỏi về thao tác, xử lý trên máy tính mà còn phải hiểu và sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo kế toán theo định kỳ.

Xuất phát từ những yêu cầu đó em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.

3.3. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty EDD.

Ý kiến thứ nhất: Mở TK 144 ký quỹ mở LC

- Khi ký quỹ mở L/C công ty thường không thông qua tài khoản 144 mà hạch toán trực tiếp vào tài khoản 331. Vì vậy, Để hạch toán rõ ràng và phản ánh đúng nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty nên hạch toán số tiền đó qua tài khoản 144 - Thẻ chấp, ký quỹ, ký ngắn hạn, có nghĩa là hạch toán số tiền đó như một khoản ký quỹ và khi thanh toán cho nhà xuất khẩu mới ghi giảm số tiền đó trên tài khoản này và lúc đó tài sản của Công ty mới thực sự bị giảm xuống. Trình tự hạch toán như sau:

+ Khi ký quỹ mở L/C, kế toán ghi số tiền ký quỹ theo định khoản:

Nợ TK 144 - (Chi tiết theo hợp đồng mở L/C)

Có TK 1122 -Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ

+ Khi thực hiện thanh toán cho nhà xuất khẩu, căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán ghi :

Nợ TK 331- (Tổng giá trị hợp đồng)

Có TK 1122

Có TK 144 – Bù trừ thanh toán

Ý kiến thứ hai: Tách riêng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp(tài khoản 641- chi phí bán hàng và tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp).

- Việc công ty chỉ sử dụng tài khoản 642- chi phí quản lý doanh nghiệp mà không tách riêng tài khoản 641 – chi phí bán hàng và 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp ra là không rõ ràng, không phản ánh được nội dung của nghiệp vụ kinh tế.

Để giải quyết vấn đề này, em nghĩ nên hạch toán riêng từng khoản chi phí một cách rõ ràng. Các chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng mới hạch toán vào tài khoản 641, các chi phí liên quan đến quản lý doanh nghiệp mới hạch toán vào tài khoản 642.

Ý kiến thứ 3: Chi phí thu mua hàng phát sinh trong quá trình nhập khẩu nên hạch toán vào tài khoản 156(2) theo chế độ kế toán, để phản ánh đúng giá vốn hàng nhập khẩu tiêu.

Chi phí thu mua phát sinh trong quá trình nhập hàng phải phản ánh vào tài khoản 1562, cuối kỳ phân bổ chi phí thu mua cho số hàng tiêu thụ trong kỳ và số hàng tồn còn lại theo công thức :

Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tồn cuối kỳ	=	Chi phí thu mua tồn đầu kỳ	+	Chi phí thu mua phát sinh trong kỳ	*	Trị giá mua hàng tồn cuối kỳ
		Trị giá mua hàng xuất tiêu thụ trong kỳ	+	Trị giá mua hàng tồn cuối kỳ		

Trong đó giá trị hàng tồn cuối kỳ là tổng giá trị trên các tài khoản :

+Tài khoản 151- Hàng mua đang đi đường

+ Tài khoản 156 - Hàng hoá tồn kho

+ Tài khoản 157 - Hàng gửi bán

Sau đó xác định chi phí thu mua bán ra trong kỳ:

Chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ	=	Chi phí thu mua tồn đầu kỳ	+	Chi phí thu mua phát sinh trong kỳ	-	Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tồn cuối kỳ
--	---	----------------------------	---	------------------------------------	---	--

Ý kiến thứ tư: Sử dụng tài khoản 157 để hạch toán hàng gửi bán trong kỳ.

Hiện nay, khi gửi hàng bán tại các siêu thị công ty không theo dõi quá trình gửi bán hàng hoá qua TK 157 “Hàng gửi bán”. Cách hạch toán như trên vi phạm chế độ chung và ảnh hưởng tới thông tin phản ánh hàng tồn kho trên báo cáo tài chính. Do vậy, luận văn kiến nghị công ty nên theo dõi Hàng gửi chưa bán trên tài khoản 157 theo phương pháp ghi sau:

- Khi gửi hàng bán cho các siêu thị, khách hàng; kế toán ghi:

Nợ TK 157

Có TK 1561

- Khi nhận được báo cáo bán hàng sau từng đợt thanh toán hàng bán qua siêu thị, kế toán ghi giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 157

Ý kiến thứ năm: Công ty nên áp dụng chế độ dự phòng giảm giá nợ khó đòi, dự phòng hàng tồn kho và thực hiện chế độ kế toán dự phòng.

- Hiện nay Công ty chưa áp dụng chế độ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng phải thu khó đòi. Trong khi đó thực tế những mặt hàng kinh doanh của công ty có tính cạnh tranh cao dễ giảm giá tồn kho và bán ra, mặt khác công ty thường phát sinh những khoản nợ khó đòi và quá hạn. Xuất phát từ thực tế đó luận văn kiến nghị công ty nên áp dụng chế độ lập dự phòng cho hai đối tượng trên.

Nghiệp vụ lập hoặc hoàn nhập dự phòng được thực hiện cuối niên độ báo cáo trên cơ sở thực tế của công ty.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tuân theo các nguyên tắc và quy định sau:

- Chi trích lập dự phòng với những mặt hàng mà giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo quyết toán giảm xuống so với giá trị trên sổ sách, chỉ lập dự phòng cho những hàng hoá được phép kinh doanh, có chứng từ, hoá đơn hợp lệ.

-Việc lập dự phòng chỉ thực hiện vào cuối niên độ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho, căn cứ vào sự biến động của giá cả hàng hoá và những bằng chứng tin cậy tại thời điểm lập dự phòng.

- Không được lấy phần tăng giá của mặt hàng này để bù đắp cho phần giảm giá của mặt hàng khác. Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho của niên độ trước được cân đối với mức dự phòng cần lập, từ đó xác định mức lập bổ sung hoặc hoàn nhập, sau đó mới lập lại dự phòng cho niên độ kế toán tiếp theo sau.

Để phản ánh tình hình biến động của các khoản dự phòng giảm giá tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 1593 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng mặt hàng

Bên Nợ: - Hoàn nhập dự phòng.

Bên Có: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dư Có: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập năm trước hoặc cho năm liền sau.

Khi lập dự phòng giảm giá trị hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán với giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm kiểm kê, nếu giá thị trường nhỏ hơn thì ta lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thực tế:

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho	=	Số lượng vật tư, hàng hoá tồn	*	Giá trị vật tư, hàng hoá ghi trên sổ kế toán	-	Giá trị vật tư, hàng hoá trên thị trường
--	---	--	---	--	---	--

*Phương pháp hạch toán

Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, số dự phòng đã lập năm trước được đối chiếu với mức dự phòng cần lập cho năm sau, được tính tại năm báo cáo để xác định mức chênh lệch cần lập bổ sung hay hoàn nhập.

- Nếu mức quỹ lập năm trước lớn hơn mức cần lập, thì ghi hoàn nhập số thừa

Nợ TK 1593

Có TK 632

- Nếu ngược lại, thì ghi mức lập bổ sung quỹ dự phòng

Nợ TK 632

Có TK 1593

Và tương tự như lập dự phòng tồn kho hàng hoá, công ty cần thực hiện chế độ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Do thực tế công ty có phát sinh nợ khó đòi và tình trạng tài chính tốt khi đó đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng, dự đoán số khách hàng không trả được nợ và chỉ lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khách hàng đang nợ doanh nghiệp có đầy đủ chứng từ, hoá đơn hợp lệ, ghi rõ thời gian thanh toán:

Mức dự phòng khó đòi	=	Số nợ phải thu khó đòi	*	Số phần trăm thất thu nợ theo dự báo
-------------------------	---	---------------------------	---	---

Phản ánh tình hình biến động của các khoản phải thu khó đòi được thực hiện trên tài khoản 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi và được ghi cho từng khoản nợ khó đòi.

* Phương pháp hạch toán

Cuối niên độ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu khó đòi và không chắc chắn thu được, kế toán tính và xác định số dự phòng cần trích lập và ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Nếu số dự phòng cần lập cho năm sau này nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước còn lại thì kế toán ghi giảm chi phí

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642(6): Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nếu những khoản nợ thực sự không đòi được và phải xoá nợ, kế toán ghi

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi(nếu lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập phòng hoặc dự phòng còn thiếu)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi tài khoản ngoài bảng để theo dõi 5 năm ghi:

Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

Nếu sau khi thu được những khoản nợ khó đòi mà đã xoá nợ thì kế toán hạch toán

Nợ TK 111,112...

Có TK 711: Thu nhập khác

Ý kiến thứ sáu: Hoàn thiện Sổ chi tiết

Như chương II đã nêu, sổ chi tiết áp dụng tại công ty chưa hợp lý về kết cấu thông tin ghi sổ; Do vậy luận văn kiến nghị

- Một là: nên mở chi tiết cho loại sổ theo đối tượng chi tiết, cụ thể
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán nên mở theo khách hàng và nhà cung cấp. Từ đó có sự phân biệt mức độ theo dõi nợ giữa hai kênh hạch toán trên sổ chi tiết và sổ tổng hợp.
 - + Sổ chi tiết giá vốn, doanh thu nên mở theo loại hàng kinh doanh hoặc nhóm hàng để phân biệt mức độ ghi với sổ cái.
- Hai là, nên sử dụng mẫu sổ chi tiết nhà cung cấp theo nguyên tắc theo dõi nợ bằng ngoại tệ.

Theo kiến nghị hoàn thiện sổ kế toán, luận văn xin đưa ra các mẫu sổ có thể áp dụng hợp lý trong hạch toán lưu chuyển hàng nhập khẩu như tại phụ lục (3.1)

Trên đây là một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD. Tuy nhiên bên cạnh việc nâng cao chất lượng công tác kế toán thì việc tổ chức, quản lý của công ty cũng cần không ngừng nâng cao, đổi mới để đáp ứng được thị trường trong tương lai.

3.4. Điều kiện thực hiện

3.4.1. Điều kiện vĩ mô

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy định về kế toán tài chính để Nhà nước vừa có công cụ giám sát, quản lý kế toán-tài chính trong doanh nghiệp vừa có hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức và vận dụng các quy định này. Phát triển và quản lý chất lượng các cơ sở đào tạo về kế toán-tài chính nhằm cung cấp nguồn nhân lực kế toán-tài chính có trình độ, năng lực cho các doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là luật thương mại để tạo môi trường bình đẳng cho doanh nghiệp phát triển.

Nhà nước cần có những định hướng phát triển cho kinh doanh nhập khẩu nói riêng và kinh doanh xuất nhập khẩu nói chung.

Nhà nước cần có các chính sách, biện pháp tạo điều kiện, thúc đẩy kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu.

3.4.2. Điều kiện vi mô.

- Doanh nghiệp cần tổ chức công tác kế toán nói chung, tổ chức kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng trên cơ sở vận dụng các quy định của Nhà nước về kế toán-tài chính một cách phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và đặc điểm bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

- Công ty TNHH EDD cần cử những người có kiến thức, kinh nghiệm, trình độ nghiệp vụ chuyên môn và đạo đức nắm vững những vị trí quan trọng trong bộ máy kế toán để quản lý, điều hành bộ máy kế toán thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Công ty cũng cần nhận thức tầm quan trọng của thông tin kế toán cho quản trị doanh nghiệp và xây dựng hệ thống kế toán quản trị.

- Tổ chức đào tạo và cử nhân viên kế toán học tập nhằm nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ kế toán nói chung và kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu nói riêng. Tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên kế toán cập nhật, nghiên cứu các quy định mới của Nhà nước về kế toán, thuế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cơ sở vật chất để thực hiện công tác kế toán như phòng làm sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh, trang bị máy tính và phần mềm kế toán để công tác kế toán được tiến hành chính xác, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức cho nhân viên kế toán.

- Nâng cao nhận thức cho nhân viên kế toán về vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán đối với sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp và khuyến khích họ phát huy tính sáng tạo, ý kiến đóng góp trong việc hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp ở từng thời kỳ trên cơ sở vận dụng phù hợp các quy định của Nhà nước về tài chính-kế toán và các lĩnh vực liên quan tới đặc điểm và điều kiện của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Sự chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ta hiện nay đòi hỏi mỗi tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh tế phải phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước vừa đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, vừa góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng nền kinh tế quốc dân. Xuất phát từ yêu cầu đó, Công ty TNHH EDD không ngừng hoàn thiện công tác quản lý, đặc biệt là hoàn thiện công tác kế toán phục vụ đắc lực cho công tác quản lý tại công ty.

Trong quá trình thực tập, tìm hiểu về quá trình lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của cô giáo TS. Phạm Thị Bích Chi và được sự giúp đỡ của Giám đốc công ty, anh chị phòng kế toán, phòng kinh doanh đã giúp em hoàn thành bài luận văn này.

Do thời gian thực tế và kiến thức có hạn, bài viết không thể nghiên cứu được hết tất cả các khía cạnh và không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự chỉ dẫn của cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. Đặng Thị Loan, “Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp”.
 2. Bộ tài chính (10/2002), “Hướng dẫn kế toán thực hiện 4 chuẩn mực kế toán đợt 1”.
 3. TH.S. Hà Thị Ngọc Hà; CN-Lê Thị Tuyết Nhung; CN-Nghiêm Mạnh Hùng, 243 sơ đồ kế toán doanh nghiệp.
 4. Tập thể tác giả trường ĐH Ngoại thương – NXB 1994, “Phân tích hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu”.
 5. PTS. Trần Chí Thành – NXB Thống Kê 1994, “Tổ chức và nghiệp vụ kinh doanh thương mại quốc tế”.
 6. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính).
 7. Trường đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh, “Kế toán Mỹ”
 8. PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến, “Thanh toán quốc tế tài trợ ngoại thương”
 9. Tài liệu phòng kế toán công ty TNHH EDD.
 10. Luận văn tốt nghiệp của các khoá trên.
-

PHỤ LỤC

2.1.TÀI KHOẢN SỬ DỤNG TẠI CÔNG TY EDD

111: Tiền Mặt

1111: Tiền mặt Việt Nam

112: Tiền Gửi Ngân Hàng

1121BIDV: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng BIDV

1121 CT: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng Công Thương

1121 HBB: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng HABUBANK

1121 INDO: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng INDO

1121 NN: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng NN& PTNT Đông Bà Triệu

1121 VNSIAM: Tiền VNĐ gửi ở ngân hàng VINASIAM

1122: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng

1122 BIDV: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng BIDV

1122 CT: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng Công Thương

1122 HBB: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng HABUBANK

1122 INDO: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng INDO

1122 NN: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng NN & PTNT Đông Bà Triệu

1122 VNSIAM: Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng VINASIAM

131: Phải thu khách hàng

133: Thuế GTGT được khấu trừ

138: Phải thu khác

1381: Thuế GTGT chưa có hoá đơn

141: Tạm ứng

142: Chi phí trả trước

151: Hàng mua đang đi đường

152: Nguyên vật liệu

153: Công cụ, dụng cụ

154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

155: Thành phẩm
156: Hàng hóa
211: Tài sản cố định
214: Khấu hao TSCĐ
241: Xây dựng cơ bản dở dang
311: Vay ngắn hạn
331: Phải trả người bán
333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
3331: Thuế GTGT phải nộp
3333: Thuế xuất, nhập khẩu
3334: Thuế TNDN phải nộp
334: Phải trả công nhân viên
338: Phải trả, phải nộp khác
411: Nguồn vốn kinh doanh
421: Lợi nhuận chưa phân phối
4211: Lãi năm trước
4212: Lãi năm nay
511: Doanh thu bán hàng
515: Doanh thu HĐTC
632: Giá vốn hàng bán
635: Chi phí HĐTC
642: Chi phí QLDN
911: Xác định kết quả kinh doanh

2.2. BỘ CHỨNG TỪ NHẬP KHẨU HÀNG TẠI CÔNG TY EDD.

2.3. SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Công ty TNHH EDD

P12B2, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

NHẬT KÝ CHUNG

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
2/12/2006	PN1/12	Nhập kho hàng hoá TKHQ 3328(SEAGUL.CO)			
		Hàng hoá	156	97,517,328	
		Phải trả người bán	331		97,517,328
				
9/12/2006	PC6/12	Thanh toán tiền lệ phí hải quan - HD 44951			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	27,000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		27,000
9/12/2006	PC7/12	TT cước vận chuyển quốc tế HD 50014			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	4,590,909	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		4,590,909
9/12/2006	PC8/12	TT phí xếp con't HD 50015			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	268,345	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		268,345
9/12/2006	PC9/12	TT phí khai thác hàng HD 50016			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	532,400	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		532,400
9/12/2006	PC9/12	TT phí kiểm tra NN về đồ điện HD 36860			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	300,000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		300,000
9/12/2006	PC10/12	TT phí bảo hiểm hàng nhập HD 135267			
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	157,000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		157,000
12/12/2006	PN4/12	Nhập kho hàng hoá nhập khẩu TKHQ 845(N.Y.C)			
		Hàng hoá	156	47,268,822	
		Phải trả người bán			47,268,822
		...			
27/12/2006	PX11/12	Xuất kho hàng hoá HD 65667			
		Giá vốn hàng hoá	632	2,185,729	
		Hàng hoá	156		2,185,729
		...			

	Tổng cộng	21,278,427,808	21,278,427,808
--	-----------	----------------	----------------

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng....năm

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.4. BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Từ 01/12/2006 đến 31/12/2006

ST T	TÊN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ	ĐƠN GIÁ	TỒN ĐẦU KỲ		NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TỒN CUỐI KỲ	
			SL	T.TIỀN	SL	T.TIỀN	SL	T.TIỀN	SL	T.TIỀN
II	HÀNG TIÊU DÙNG		3,340.00	590,808,259	4,604	293,894,864	4,262	335,337,330	3,462	549,365,793
863	NỒI CANH PACIFIC EXTRA 3 ĐÁY 20CM - 365		-	-	12	2,208,000	9	1,656,000	3	552,000
864	NỒI CANH PACIFIC EXTRA 3 ĐÁY 22CM - 365		-	-	18	4,083,930	8	1,815,080	10	2,268,850
865	<i>NỒI CANH ANDAMAN EXTRA 3 ĐÁY 18CM - 366</i>		-	-	18	3,469,032	1	1,541,792	10	1,927,240
866	<i>NỒI CANH ANDAMAN EXTRA 3 ĐÁY 20CM - 366</i>		-	-	12	2,568,000	1	1,712,000	4	856,000
867	<i>NỒI CANH ANDAMAN EXTRA 3 ĐÁY 22CM - 366</i>		-	-	18	4,517,172	9	2,258,586	9	2,258,586
868	NỒI CANH ANDAMAN (XONG CÁN DÀI)14CM - 371		15	1,165,510	12	1,189,656	1	87,228	26	2,267,938

869	NỒI CANH ANDAMAN (XONG CÁN DÀI) 16CM - 371		13	1,232,387	36	4,398,864	28	3,189,249	21	2,442,003
870	NỒI CANH ANDAMAN (XONG CÁN DÀI) 18CM - 371		5	531,420	36	4,984,176	30	4,067,670	11	1,447,926
871	NỒI INOX @ 26CM - 377-0-26		15	4,931,700	-	-	8	2,630,240	7	2,301,460
872	BỘ NỒ ADAMAN (3 NỒI CÓ NẮP) - 385-1-07		11	5,881,700	-	-	6	3,208,200	5	2,673,500
873	BỘ NỒI HẤP 24CM (2 NỒI + 1 NẮP) - 387-3-24		18	5,393,502	2	850,000	11	3,330,218	9	2,913,284
874	BỘ NỒI INOX - 385- 0-06		13	4,276,662	2	940,000	5	1,644,870	10	3,571,792
875	DAO PACIFIC (100- 394-1-07)		90	928,530	224	4,070,240	85	1,285,305	229	3,713,465
876	DAO GỌT VỖ PACIFIC 5" S - 394- 0-15		134	1,117,376	229	3,077,400	3	35,775	154	1,836,480
877	DAO NHÀ BẾP PACIFIC (100-394- 2-07)		-	-	224	4,616,480	67	1,293,051	157	3,323,429
878	DAO PHAY PACIFIC (100-394-		127	2,736,180	-	-	11	236,991	116	2,499,189

	3-07)									
892	BÌNH ĐỰNG NÓC CÓ NẬP 11CM - 315-3-10	8	1,105,740	-	-	7	967,522	1	138,217	
893	ẤM ĐUN CÓ CỒI BÁO 1,5L - 312-0-15	1	111,636			1	111,636	-	-	
894	ẤM ĐUN CÓ CỒI BÁO 2,5L - 312-0-25	1	122,443			1	122,443	-	-	
895	ẤM ĐUN CÓ CỒI BÁO 3L - 312-0-30	16	1,794,958	78	11,821,380	94	13,616,338	-	-	
896	ẤM ĐUN CÓ CỒI BÁO 3,5L - 312-0-35	21	2,288,280	150	21,984,840	152	21,590,427	19	2,682,693	
909	NỒI CƠM ĐIỆN 1.8L	828	211,492,993	20	7,587,000	290	74,291,448	558	144,788,545	
910	BÀN XĂNG CÁN DÀI - 304-1-08	17	208,488	144	3,808,800	62	1,547,030	99	2,470,258	
911	MUỖNG INOX	18	49,091	-	-	-	-	18	49,091	
912	ẤM SIÊU TỐC NE- E909	-	-	12	707,205	-	-	12	707,205	
913	ẤM SIÊU TỐC NE- E207	-	-	12	429,400	-	-	12	429,400	
914	ẤM SIÊU TỐC NE- E210	-	-	12	990,143	-	-	12	990,143	
915	ẤM SIÊU TỐC NE- E212	-	-	12	1,060,871	-	-	12	1,060,871	
916	ẤM SIÊU TỐC NE-	-	-		909,318		-		909,318	

	<i>E112</i>				12		-		12	
917	<i>ẤM SIÊU TỐC NE-K305</i>	-	-	12	1,151,802	-	-	12	1,151,802	
918	<i>ẤM SIÊU TỐC NE-K307</i>	-	-	12	2,121,740	-	-	12	2,121,740	
919	<i>ẤM SIÊU TỐC NE-K305T</i>	-	-	12	1,697,392	-	-	12	1,697,392	
920	<i>ẤM SIÊU TỐC NE-K307T</i>	-	-	12	2,323,810	-	-	12	2,323,810	
921	<i>BẾP HÂM NÓNG CỐC NE-W109</i>	-	-	12	1,111,385	-	-	12	1,111,385	
922	<i>NỒI LẤU ĐA NĂNG NE- MC18</i>	-	-	6	6,543,812	-	-	6	6,543,812	
923	<i>NỒI LẤU ĐA NĂNG NE- MC18C</i>	-	-	6	7,198,196	-	-	6	7,198,196	
924	<i>NỒI LẤU ĐA NĂNG NE- MC18T</i>	-	-	6	10,551,025	-	-	6	10,551,025	
925	<i>NỒI LẤU ĐA NĂNG NE- MC18CT</i>	-	-	6	9,643,514	-	-	6	9,643,514	
926	<i>LÒ NÓNG ĐIỆN NE-R113</i>	-	-	1	1,010,351	-	-	1	1,010,351	
927	<i>BÀN LÀ KHÔ NE-535P</i>	-	-	12	757,765	-	-	12	757,765	
928	<i>BÀN LÀ KHÔ NE-535PT</i>	-	-	12	515,280	-	-	12	515,280	
929	<i>BÀN LÀ KHÔ NE-835</i>	-	-	12	1,060,871	-	-	12	1,060,871	

930	BÀN LÀ KHÔ NE-I222		-	-	12	1,414,490	-	-	12	1,414,490
931	BÀN LÀ KHÔ NE-I222T		-	-	12	1,333,662	-	-	12	1,333,662
932	BÀN LÀ KHÔ NE-I125		-	-	12	1,273,041	-	-	12	1,273,041
933	BÀN LÀ KHÔ NE-I235T		-	-	12	697,143	-	-	12	697,143
934	BÀN LÀ DU LỊCH NE-III13T		-	-	12	1,212,420	-	-	12	1,212,420
	TỔNG CỘNG :		13,317.128	1,096,796,869	26,018	10,984,382,433	4,781	9,802,243,899	34,335	2,278,935,402

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

3.1. MẪU SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG, GIÁ VỐN, THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Đơn vị.....

Địa chỉ....

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Năm

Tài khoản.....Tên kho.....

Tên, quy cách hàng hoá.....

Đơn vị tính.....

Chứng từ		Diễn giải		Tài khoản đ/ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C		D	1	2	3=2X1	4	5=1X4	6	7=1X6
		Số dư đầu kỳ:									
		Cộng tháng		x	x						

-- sổ này có....trang, đánh số từ 01 đến trang ..

- Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngàytháng.....năm
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN) BẰNG NGOẠI TỆ

(Dùng cho TK: 131, 331)

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại ngoại tệ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tỷ giá hối đoái	Số phát sinh				Số dư			
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ		Có		Nợ		Có	
						Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số phát sinh										
			- Cộng số phát sinh	x	x					x	x	x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x	x	x				

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

(Ký, họ tên)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ.....)

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5211,5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3= 1x2	4	5
			- Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp	x				x	x

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tài khoản:.....

Tên sản phẩm:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
A	B	C	D		1	2	3	4	5	6	7	8
			- Số dư đầu kỳ									
			- Số phát sinh									
			- Cộng số phát sinh	x								
			- Ghi Có TK 632									
			- Số dư cuối kỳ	x								

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

Download sách, tài liệu, video, luận văn, đồ án...**miễn phí** **VIDEOBOOK.VN**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
Chương I: Những vấn đề cơ bản về hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu	3
1.1. Lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu và vai trò của hạch toán kế toán.....	3
1.1.1. Lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu.....	3
1.1.2. Phương thức lưu chuyển và thanh toán hàng hoá nhập khẩu mua và bán.....	3
1.1.3. Vai trò của hạch toán kế toán lưu chuyển trong quản lý kinh doanh hàng hoá nhập khẩu	9
1.2. Hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu.....	10
1.2.1. Hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá trực tiếp	10
1.2.2. Hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá uỷ thác	15
1.3. Hạch toán kế toán bán hàng nhập khẩu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu.....	18
1.3.1. Xác định giá vốn và hạch toán kế toán giá vốn nhập khẩu hàng hoá.....	18
1.3.2. Doanh thu và hạch toán kế toán doanh thu bán hàng nhập khẩu	20
1.3.2.1. Xác định doanh thu bán hàng.....	20
1.3.2.2. Hạch toán doanh thu hoá đơn.....	22
1.3.3. Hạch toán kế toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu	25
1.4. Kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại Mỹ.....	29
Chương II: Thực trạng hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD	34
2.1. Tổng quan về công ty TNHH EDD.....	34
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH EDD.....	34
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu	35
2.1.3. Tổ chức hệ thống quản lý và bộ máy quản lý tại công ty TNHH EDD	38
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty TNHH EDD	26
2.2. Thực trạng hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu	42
2.2.1. Thực trạng hạch toán kế toán nhập khẩu hàng hoá.....	42

2.2.2. Thực trạng hạch toán kế toán bán hàng nhập khẩu	56
2.2.2.1. Giá vốn và thực trạng hạch toán giá vốn hàng nhập khẩu	56
2.2.2.2. Doanh thu bán hàng nhập khẩu và thực trạng hạch toán kế toán kinh doanh thu hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD	64
2.2.2.3. Các khoản giảm trừ doanh thu và thực trạng hạch toán	69
2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	69
Chương III: Hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD.....	73
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Tồn tại chủ yếu và nguyên nhân trong hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu	75
3.2. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD	76
3.3. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện hạch toán kế toán lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu tại công ty TNHH EDD	79
3.4. Điều kiện thực hiện.....	85
3.4.1. Điều kiện vĩ mô	85
3.4.2. Điều kiện vi mô	85
Kết luận.....	87

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- CNV:	Công nhân viên
- QLDN	Quản lý doanh nghiệp
- VCQT	Vận chuyển quốc tế
- Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
- HQ	Hải quan
- NK	Nhập khẩu
- TKHQ	Tờ khai hải quan
- TSCĐ	Tài sản cố định
- GD	Giám đốc
- NVKD	Nhân viên kinh doanh
- NVBH	Nhân viên bán hàng
- KTT	Kế toán trưởng
- KT	Kế toán
- SX	Sản xuất
- NVXNK	Nhân viên xuất nhập khẩu
- CHT	Cửa hàng trưởng
- VP	Văn phòng
- MST	Mã số thuế
- DV	Dịch vụ
- TM	Tiền mặt
- KƯ	Khế ước
- TM	Thương Mại
- TGNH	Tiền gửi ngân hàng
- PKT	Phiếu kế toán
- PT	Phiếu thu
- PC	Phiếu chi
- HĐ	Hoá đơn

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

* SƠ ĐỒ:

- SƠ ĐỒ 1.1: TRÌNH TỰ NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ
- SƠ ĐỒ 1.2: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN NHẬP KHẨU ỦY THÁC TẠI ĐƠN VỊ ỦY THÁC NHẬP KHẨU (GIAO ỦY THÁC)
- SƠ ĐỒ 1.3: HẠCH TOÁN DOANH THU THANH TOÁN NGAY.
- SƠ ĐỒ 1.4: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN DOANH THU NHẬN ÚNG TRƯỚC, GIAO BÁN SAU.
- SƠ ĐỒ 1.5: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN DOANH THU BÁN CHỊU.
- SƠ ĐỒ 1.6: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG TRẢ CHẬM.
- SƠ ĐỒ 1.7: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG NHẬP KHẨU.
- SƠ ĐỒ 2.1: THỊ TRƯỜNG VÀ THỊ PHẦN KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH EDD.
- SƠ ĐỒ 2.2: TỔ CHỨC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY
- SƠ ĐỒ 2.3: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY
- SƠ ĐỒ 2.4: QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ TẠI CÔNG TY
- SƠ ĐỒ 2.5: QUY TRÌNH NHẬP SỐ LIỆU VÀO PHẦN MỀM TẠI CÔNG TY.
- SƠ ĐỒ 2.6: QUY TRÌNH KẾ TOÁN NHẬP KHẨU TRONG PHẦN MỀM FAST ACCOUNTING.
- SƠ ĐỒ 2.7: QUY TRÌNH KẾ TOÁN BÁN HÀNG TRONG PHẦN MỀM FAST ACCOUNTING.

*BẢNG BIỂU:

- BẢNG 2.1: SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ
- BẢNG 2.2: SỔ CÁI TK 156
- BẢNG 2.3: SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI THU
- BẢNG 2.4: SỔ CÁI TK 331
- BẢNG 2.5: SỔ CÁI TK 642
-

- BẢNG 2.6: PHIẾU XUẤT KHO
- BẢNG 2.7: SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
- BẢNG 2.8: SỔ CÁI TK 632
- BẢNG 2.9: MẪU HOÁ ĐƠN GTGT
- BẢNG 2.10: SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG.
- BẢNG 2.11: SỔ CÁI TK 511
- BẢNG 2.12: SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG.
- BẢNG 2.13: SỔ CÁI TK 131
-

